

Số: 199/BC-UBND

Tân Thịnh, ngày 19 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới đến năm 2023 của xã Tân Thịnh huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG.

1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội:

1.1. Vị trí địa lý:

Tân Thịnh là một xã miền núi nằm ở phía Bắc huyện Định Hóa, cách trung tâm huyện 7km với tổng diện tích tự nhiên là 5.994,27 ha.

Phía bắc tiếp giáp với xã Lam Vỹ huyện Định Hóa; phía đông bắc và đông lán lượt tiếp giáp với các xã Thanh Mai, Nông Hạ, Thanh Thịnh và thị trấn Đồng Tâm thuộc huyện Chợ Mới của tỉnh Bắc Kạn; phía tây tiếp giáp với xã Kim Phụng của huyện Định Hóa; phía nam giáp với xã Tân Dương huyện Định Hóa; Phía đông nam giáp với xã Yên Ninh huyện Phú Lương.

1.2. Đặc điểm địa hình:

Xã Tân Thịnh được chia tách thành 3 miền rõ rệt, miền Tân Minh có đồng ruộng bằng phẳng đất đai màu mỡ thuận tiện cho việc canh tác trồng cây nông nghiệp. Miền Làng Duyên và miền Thịnh Mỹ địa hình phức tạp, dân cư sống rải rác, địa hình không bằng phẳng, có nhiều đồi rừng thuận lợi cho việc phát triển Lâm nghiệp. Độ cao trung bình của xã khoảng 80m so với mặt nước biển, vùng trung tâm xã là nơi tập trung đông dân cư, đường giao thông đi lại thuận tiện nên thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội.

1.3. Đặc điểm khí hậu, thủy văn:

* *Khí hậu:* Xã Tân Thịnh có những đặc trưng của khí hậu khu vực miền núi phía Bắc, có 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, lượng mưa phân bố không đều, trung bình từ 1600mm đến 1900mm/năm được tập trung ở các tháng 6, 7, 8, 9; Nhiệt độ trung bình cả năm biến động từ 23⁰ – 24⁰ C; Độ ẩm trung bình cả năm từ 81 - 85 %.

* *Thủy văn:* Nguồn nước mặt được lấy từ 3 nhánh gồm: nhánh miền Tân Minh lấy từ dòng suối được bắt nguồn từ xã Lam Vỹ, hồ Thâm Tôn; miền Làng Duyên và miền Thịnh Mỹ sử dụng nước từ các mực nước tự chảy từ đồi núi, trên đây là nguồn nước chính phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Nguồn nước ngầm: Toàn xã chủ yếu sử dụng giếng giếng khoan và nguồn nước tập trung.

1.4. Về kinh tế - xã hội:

Tân Thịnh là xã thuần nông, toàn xã có 9 xóm với 1189 hộ. Dân số toàn xã là 4931 nhân khẩu, có 07 dân tộc gồm: (Tày, Nùng, Kinh, Sán Chỉ, Dao, H'Mông, Hoa và một số ít dân tộc khác) trong đó, dân tộc Sán Chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 60%, còn lại là các dân tộc khác; Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 là 10,58%.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã, năm 2023, xã Tân Thịnh phấn đấu đạt xã Nông thôn mới, đến nay xã đã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới.

Hạ tầng nông thôn cơ bản được đầu tư từ điện, đường, trường, trạm... Đến nay 100% đường trục xã, trục xóm, ngõ xóm được bê tông hóa đi lại thuận tiện quanh năm, 100% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên an toàn, 100% các xóm có nhà văn hóa đảm bảo sinh hoạt cộng đồng, 3/3 trường học đạt chuẩn Quốc gia. thu nhập bình quân đầu đạt 43,73 triệu đồng/ người.

Nhìn chung trên địa bàn xã Tân Thịnh phát triển kinh tế trong những năm gần đây có những chuyển biến tích cực, hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu giao. Nguồn thu nhập của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông lâm nghiệp và lao động ở các công ty trong và ngoài nước. Xã có nguồn lao động dồi dào, là nguồn nhân lực lớn tham gia vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương; đội ngũ cán bộ công chức của xã có trình độ từ trung cấp, cao đẳng trở lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, tình hình quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững.

2. Thuận lợi

- Từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới đến nay, xã Tân Thịnh luôn nhận được sự quan tâm của UBND tỉnh, các sở ban ngành, sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, UBND huyện và các phòng ban chuyên môn của huyện.

- Các chủ trương, chính sách, cơ chế của Trung ương, của tỉnh về xây dựng NTM được ban hành, triển khai thực hiện đồng bộ.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương được triển khai từ xã đến xóm và trên tất cả các lĩnh vực, sự đoàn kết, thống nhất của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn xã Tân Thịnh đã thực sự trở thành một phong trào lớn, rộng khắp, được cả hệ thống chính trị và nhân dân đồng tình, ủng hộ, tham gia, khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của cả địa phương, phát huy vai trò chủ thể của người dân nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực: hạ tầng được đầu tư nâng cấp khá đồng bộ, diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi rõ nét, bản sắc văn hóa được duy trì và củng cố, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về xây dựng NTM được xã triển khai, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trên địa bàn xã với nhiều hình thức, giúp cho cán bộ và nhân dân nhận thức sâu sắc hơn mục đích, nội dung về xây dựng NTM; Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”.

3. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cũng gặp không ít khó khăn, đó là:

- Phát triển kinh tế trên địa bàn xã chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp; sản xuất nhỏ manh mún, tự cung tự cấp chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa trong nông nghiệp.

- Về Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dịch vụ chưa phát triển, chưa có ngành nghề thu hút lao động tạo việc làm tại địa phương.

- Khối lượng công việc phải thực hiện rất lớn, nguồn lực đầu tư hạn chế, thời gian thực hiện ít nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ, kết quả triển khai thực hiện.

II. CÁC CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Văn bản Trung ương:

Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia xã NTM và bộ tiêu chí Quốc gia xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

2. Văn bản của tỉnh Thái Nguyên:

Quyết định 4176/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt Đề án xây dựng NTM tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 về phê duyệt điều chỉnh Đề án xây dựng Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025;

Quyết định 2194/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới. Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và phân công các sở ngành phụ trách, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí;

Hướng dẫn số 348/HD-VPĐP ngày 12/10/2022 của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên về việc rà soát, quyết định công nhận đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao hàng năm và sơ đồ về trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về phê duyệt danh sách các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

3. Văn bản của huyện Định Hóa:

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Định Hóa lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/5/2022 của HĐND huyện Định Hóa, thông qua thông qua Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2023;

Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND huyện Định Hóa, phê duyệt Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn vào năm 2023 và các Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND huyện Định Hoá về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới huyện Định Hoá năm 2023;

4. Văn bản của xã Tân Thịnh:

Nghị quyết số 44-NQ/ĐU ngày 22/11/2021 của Đảng ủy xã Tân Thịnh về đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023;

Nghị quyết số 59-NQ/ĐU ngày 27/5/2022 của Đảng ủy xã Tân Thịnh về xây dựng xã Tân Thịnh đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2023;

Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 25/10/2022 của HĐND xã về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Đề án xây dựng NTM xã Tân Thịnh giai đoạn 2022 – 2025;

Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 26/10/2022 của UBND xã Tân Thịnh về Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Thịnh giai đoạn 2022 - 2025;

Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND xã Tân Thịnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023;

Quyết định số 29-QĐ/ĐU ngày 27/5/2022 của BCH Đảng bộ xã Tân Thịnh về kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chương trình nông thôn mới;

Quyết định số 45-QĐ/ĐU ngày 27/5/2022 của BCH Đảng bộ xã Tân Thịnh về phân công nhiệm vụ thành viên BCĐ NTM xã;

Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của UBND xã Tân Thịnh về kiện toàn Ban quản lý NTM kèm theo bảng phân công nhiệm vụ.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Ngay sau khi Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ban hành Nghị quyết về việc xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn NTM vào năm 2023 và HĐND huyện ban hành Nghị quyết về việc thông qua Đề án xây dựng huyện Định Hóa đạt chuẩn NTM vào năm 2023, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã ban hành Nghị quyết Nghị quyết số 59-NQ/ĐU ngày 27/5/2022 của Đảng ủy xã Tân Thịnh về xây dựng xã Tân Thịnh đạt chuẩn Nông thôn mới vào năm 2023. UBND huyện phê duyệt Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 26/10/2022 của UBND xã Tân Thịnh về Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Tân Thịnh giai đoạn 2022 – 2025 và Kế hoạch triển khai thực hiện; kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng NTM xã, Ban phát triển các xóm; xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch triển khai thực hiện; phân công nhiệm vụ cụ thể từng cá nhân, tổ chức.

Cấp ủy, chính quyền, Ban Chỉ đạo, Ban quản lý và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn từng nội dung công việc; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện. Tăng cường vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của cộng đồng dân cư đối với xây dựng NTM, trọng tâm là việc thực hiện cơ chế, chính sách, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực; quản lý, sử dụng, nâng cao chất lượng các công trình.

Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, xác định việc xây dựng nông thôn mới phải được nhân dân bàn bạc dân chủ, phát huy cao nhất tính dân chủ và tính cộng đồng, toàn dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới, tổ chức hội nghị ở xóm thu thập ý kiến nguyện vọng của nhân dân, nắm bắt những khó khăn và đề nghị của nhân dân để từ đó quyết định làm công việc nào trước, công việc nào sau phù hợp với khả năng đối ứng của nhân dân. Ban quản lý XD NTM cũng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc từng nội dung công việc để nắm bắt kịp thời những vướng mắc và có biện pháp, chỉ đạo phù hợp.

Nêu cao vai trò của Ban giám sát cộng đồng và Ban Thanh tra nhân dân trong việc giám sát các công trình xây dựng từ xã đến xóm để đảm bảo chất lượng, kỹ thuật. Cán bộ, đảng viên gương mẫu thực hiện trước và vận động nhân dân cùng làm, nhất là trong việc tham gia đối ứng, cải tạo, chỉnh trang nhà ở và công trình vệ sinh tạo nên diện mạo mới cho bộ mặt nông thôn.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông

- Tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, triển khai sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân, thông qua các bài tuyên truyền trên Đài truyền thanh xã, hệ thống loa của xóm, tại hội nghị của các tổ chức đoàn thể, tại các buổi họp xóm, các buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ. Để cán bộ và nhân dân nhận thức rõ hơn vai trò chủ thể của mình, nâng cao nhận thức, thay đổi nếp nghĩ, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, gắn tuyên truyền với thi đua, khen thưởng.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua “Thái Nguyên chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025. Các tổ chức chính trị xã hội, các xóm phát động phong trào thi đua và triển khai sâu rộng đến hội viên và nhân dân.

- Hình thức truyền thông: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh ở xã, tại các xóm, lồng ghép tại các phiên họp, các hội nghị triển khai về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã và thông qua hoạt động sinh hoạt hàng tháng của các tổ chức đoàn thể; niêm yết công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; cử đi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn, Ban Quản lý, Ban phát triển thôn...tham gia thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung truyền thông: Tập trung tuyên truyền về những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của về Đề án xây dựng huyện Định Hóa, xã Tân Thịnh đạt chuẩn NTM vào năm 2023; Kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2022 -2025 và các chương trình chuyên đề nhằm cụ thể hóa Nghị quyết

Đại hội Đảng các cấp, chú trọng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ nông nghiệp và xây dựng NTM; phát triển ngành nghề nông thôn và sản phẩm OCOP, chuyển đổi số trong xây dựng NTM hướng tới nông thôn mới thông minh; nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn, giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn; nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; thúc đẩy an ninh trật tự, bình đẳng giới; cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn...; tăng cường năng lực cho các cộng đồng dân cư, cán bộ cơ sở và người dân ở nông thôn.

- Kết quả truyền thông: Số tin bài đưa lên trang thông tin điện tử: 08 bài; số băng zôn tuyên truyền 56, số tin bài trên đài truyền thanh xã 932 bài.

b) Công tác đào tạo, tập huấn

- UBND xã luôn quan tâm đến công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã. Từ khi thực hiện Chương trình xây dựng NTM đến nay, xã đã tổ chức và phối hợp tổ chức triển khai 652 lớp tập huấn, với hơn 2.200 lượt người tham gia. Trong đó đối với cán bộ xã: 986 lượt người tham gia. Còn đối với xóm và nhân dân: 1.214 lượt người tham gia. Nội dung tập huấn chủ yếu là các kiến thức về Chương trình xây dựng nông thôn mới, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, Chính quyền, Ban công tác mặt trận, ban phát triển thôn, người dân trong xây dựng nông thôn mới; tập huấn về công tác quy hoạch; phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; công tác bảo vệ môi trường, cảnh quan nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

- Công tác thăm quan học tập: Được sự quan tâm của các cấp, Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, cán bộ, công chức, cán bộ bán chuyên trách, trưởng xóm, bí thư được thăm quan học tập các mô hình kinh tế, xây dựng nông thôn mới trong và ngoài tỉnh, đã có trên 200 lượt cán bộ là thành viên Ban Chỉ đạo, Ban quản lý và Ban phát triển thôn được tập huấn tại tỉnh, huyện và ngoài tỉnh.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Tân Thịnh lần thứ XI, XII, XII và Nghị quyết lãnh đạo chỉ đạo thực hiện mục tiêu nhiệm vụ công tác chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương qua các năm. UBND xã đã thực hiện các giải pháp chuyển dịch dần cơ cấu kinh tế nông thôn, tổ chức lại sản xuất, đưa các giống lúa mới có năng suất, chất lượng cao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt đưa cơ giới hoá vào sản xuất đã giúp nông dân giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong những năm qua xã đã đẩy mạnh công tác triển khai xây dựng các mô hình phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân, hiện nay trên địa bàn xã đã thực hiện các mô hình chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, dê; trang trại, gia trại chăn nuôi lợn; chăn nuôi gia cầm như nuôi gà thịt, gà đẻ trứng, thủy sản chăn nuôi cá. Thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển trong chăn

nuôi, hỗ trợ máy móc, nông cụ để các hộ gia đình thực hiện phát triển kinh tế gia đình, triển khai thực hiện sản xuất chè theo tiêu chuẩn Vietgap, hướng tới sản xuất hàng hóa theo tiêu chuẩn OCOP.

Đảng ủy, HĐND, UBND xã chú trọng công tác đào tạo nghề, hướng nghiệp và tạo việc làm cho lao động nông thôn thông qua tập huấn, hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi để nâng cao giá trị sản xuất; triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; công tác khuyến nông, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, nghiệp; thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn.

Thực hiện kế hoạch trồng mới, trồng lại chè vụ thu qua các năm đều đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch giao. Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến chè xanh cho HTX Nông nghiệp Yên Thịnh và các hộ gia đình sản xuất chè trên địa bàn. Triển khai kế hoạch trồng rừng năm sản xuất hằng năm, rà soát và thiết kế các diện tích đủ điều kiện thực hiện dự án trồng quế trên địa bàn với trên 200ha. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện tốt, không để xảy ra cháy rừng trên địa bàn xã. Công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm được chỉ đạo thực hiện tốt, số gia súc gia cầm được tiêm phòng dịch bệnh hằng năm đều đạt trên 90%, công tác phun tiêu độc khử trùng đạt 95% so với kế hoạch đề ra.

Đến nay, giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01ha đất nông nghiệp đạt 85 triệu đồng trở lên, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm tăng trên 10%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 10%/năm trở lên, thu ngân sách (thu trong cân đối) tăng bình quân 10%/năm.

b, Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn

Tình hình sản xuất công nghiệp - TTCN, kinh doanh thương mại, dịch vụ cơ bản ổn định. Các mặt hàng thiết yếu được cung ứng đáp ứng nhu cầu thị trường. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hằng năm bình quân đạt trên 3 tỷ đồng, đến nay doanh thu từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt 5,5 tỷ đồng.

Chỉ đạo công chức chuyên môn tham mưu thực hiện triển khai kế hoạch phát triển Công nghiệp - TTCN. Công tác kiểm tra thị trường hàng hóa, hàng giả thường xuyên được UBND xã chỉ đạo thực hiện; thành lập Ban chỉ đạo và kiểm tra an toàn thực phẩm trong dịp tết Nguyên đán, tết thiếu nhi, cho các hộ sản xuất kinh doanh ký cam kết An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định. Trung tâm xã có chợ tại xóm Bản Mản, đến nay đã được đầu tư xây dựng mới đáp ứng được nhu cầu giao thương hàng hóa của nhân dân, cũng như phát triển các dịch vụ kinh doanh tại gia đình, tạo điều kiện cho sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân được nâng cao.

c, Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

Các hoạt động an sinh xã hội, công tác quản lý, chi trả trợ cấp đối tượng chính sách được thực hiện đúng quy định. Xây dựng Kế hoạch, tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm ngày Thương binh, Liệt sỹ hằng năm như: Thăm hỏi, động

viên, tặng cho các đối tượng chính sách người có công trên địa bàn xã. Tiếp nhận quà của các đơn vị, tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm và thực hiện trao quà cho các đối tượng trong dịp tết Nguyên Đán; Tổ chức thăm, tặng quà chúc thọ, mừng thọ cho các cụ cao tuổi. Triển khai thực hiện chương trình 135, hỗ trợ cho nông dân, phụ nữ vay vốn phát triển sản xuất, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện chăn nuôi bò cái Laishind sinh sản, nông cụ sản xuất, máy móc, thực hiện hỗ trợ cho hộ gia đình thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện hỗ trợ nhà ở theo Nghị định 28/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ với tổng số kinh phí trên 1.359 triệu đồng.

Kết quả thực hiện các giải pháp về phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, đến năm 2023 thu nhập bình quân đầu người là 43,73 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ nghèo đa chiều còn 10,58 %.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới

Tổng kinh phí đã huy động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đến năm 2023 là: 205.259 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 136.322 triệu đồng, chiếm 66,41%.
- Ngân sách tỉnh: 46.298 triệu đồng, chiếm 22,56%.
- Ngân sách huyện: 4.439 triệu đồng, chiếm 2,16%.
- Ngân sách xã: 224 triệu đồng, chiếm 0,11%.
- Nhân dân đóng góp: 11.609 triệu đồng, chiếm 5,66%.
- Vốn huy động khác: 6.357 triệu đồng, chiếm 3,1%.

(Trong đó, giai đoạn 2011-2020 là 144.139 triệu đồng; giai đoạn 2021-2023 là 61.120 triệu đồng)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn Nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100% (57/57 chỉ tiêu, đạt 100%), có biểu kèm theo, cụ thể:

1. Tiêu chí số 01 – Quy hoạch

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn.

- Chỉ tiêu 1.2: Ban hành quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch

b, Kết quả thực hiện:

**Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Đảng ủy xã ra Nghị quyết lãnh đạo về triển khai thực hiện lập quy hoạch nông thôn mới theo từng giai đoạn. UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, thành lập Tổ công tác của xã, phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát đánh giá hiện trạng, lập nhiệm vụ quy hoạch và từng bước lập Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình triển khai thực hiện, đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của người dân trên địa bàn xã, chỉnh sửa, hoàn thiện và trình UBND huyện phê duyệt. Sau khi được phê duyệt đồ án quy hoạch nông thôn mới, UBND xã đã tổ chức

thực hiện và công bố công khai quy hoạch, bản đồ quy hoạch theo từng giai đoạn. Chỉ đạo trưởng xóm các xóm thường xuyên đôn đốc nhắc nhở mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn quản lý thực hiện đúng quy định về quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới.

** Các nội dung đã thực hiện:*

Thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 theo quy định.

Sau khi được UBND huyện phê duyệt điều chỉnh quy hoạch và quản lý quy hoạch. UBND xã đã tổ chức công bố quy hoạch chung; tổ chức cắm mốc giới quản lý đảm bảo tính khoa học trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch.

**Khối lượng đã thực hiện:*

Giai đoạn 2012 - 2020, quy hoạch chung của xã đã được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2012. Năm 2021, UBND xã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện điều chỉnh quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển kinh tế- xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030 và được UBND huyện phê duyệt tại quyết định số 7824/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021. Quy hoạch đã được công bố công khai, thực hiện cắm mốc và quản lý quy hoạch theo quy định.

Quy hoạch chung của xã đã thực hiện quy hoạch quy mô dự báo dân số, phân khu chức năng đối với khu vực trung tâm, khu vực dân cư, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp hoá và dịch vụ, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, quy hoạch sử dụng đất, định hướng tổ chức không gian xã... và tổ chức quản lý theo quy hoạch, tổ chức công bố công khai quy hoạch được phê duyệt đúng thời hạn.

** Kinh phí đã thực hiện:* từ nguồn ngân sách Nhà nước: 300 triệu đồng.

c, Tự đánh giá Tiêu chí: Đạt

2. Tiêu chí số 02 – Giao thông

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (100%)

- Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. ($\geq 80\%$)

- Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. (90% ($\geq 70\%$ cứng hóa))

- Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. (90% ($\geq 50\%$ cứng hóa))

b, Kết quả thực hiện:

**Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Đảng uỷ, HĐND, UBND xã và các đoàn thể đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong việc xây dựng đường giao thông trên địa bàn xã. Ngay từ khi lập Quy hoạch, xã đã rà soát, xác định các tuyến đường giao thông trục xã, liên xóm, trục xóm, ngõ xóm, nội đồng cần đầu tư xây dựng, nâng cấp trên địa bàn xã. Đồng thời phân kỳ đầu tư xây dựng cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho BCD, BQL và các xóm.

Hàng năm, Đảng bộ, HĐND, UBND đều đưa việc xây dựng, sửa chữa nâng cấp đường giao thông vào Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng NTM của xã. Tổ chức cho công đồng dân cư đăng ký việc thực hiện xây dựng các tuyến đường giao thông xóm. Huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và nguồn lực có trong nhân dân và nguồn lực xã hội hoá thực hiện xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn ở các xóm. Vận động nhân dân hiến đất đất, giải phóng mặt bằng, nguồn đối ứng của nhân dân trong đầu tư xây dựng các công trình; vận động nhân dân tham gia lao động công ích, đóng góp công lao động để chỉnh trang, xây dựng mới các tuyến đường, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện, đảm bảo đường giao thông đi lại thuận tiện quanh năm đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển giao thương hàng hoá. Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn đều được công khai minh bạch, được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân.

** Các nội dung thực hiện:*

Chỉ đạo và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, quản lý, bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng... các công trình đường giao thông nông thôn trên địa bàn theo thẩm quyền. Phối hợp với chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường liên xã đã được đầu tư theo lộ trình.

Tiếp tục vận động nhân dân hiến đất, hoa màu, tài sản trên đất để xây dựng các tuyến đường do nhà nước đầu tư. Tiếp tục triển khai, cấp xi măng đối với các tuyến đường trục xóm, nội đồng, ngõ xóm đã đủ điều kiện thi công.

** Khối lượng đã thực hiện:*

+ Chỉ tiêu 2.1: Toàn xã có 15,5/15,5km đường liên xã đã được trải nhựa đường đảm bảo 100%.

+ Chỉ tiêu 2.2: Tổng chiều dài đường trục xóm là 10,59km trong đó đã bê tông hóa được 9,734km đạt 91,92%.

+ Chỉ tiêu 2.3: Tổng chiều dài đường ngõ xóm là 21,817km trong đó đã bê tông hóa được 17,647km đạt 80,89%.

+ Chỉ tiêu 2.4: Tổng chiều dài đường trục chính nội đồng là 3,583km trong đó đã bê tông hóa được 3,568km đạt 99,58%.

- Từ khi bắt đầu thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2011 đến nay xã đã thực hiện được 46,499/51,49 km đường được cứng hóa, trong đó:

+ Giai đoạn 2011 - 2020 thực hiện được 32,320 km, gồm: 15,5 km đường liên xã; 6,775km đường trục xóm, 10,047km đường ngõ xóm..

+ Giai đoạn 2021-2023 thực hiện được 14,147 km đường, gồm: 2,979 km đường ngõ xóm, 7,6km đường trục xóm; 3,568km đường nội đồng.

** Kinh phí thực hiện:* Tổng kinh phí thực hiện đến nay: 127.789 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 98.874 triệu đồng.
- Ngân sách Tỉnh: 22.711 triệu đồng.
- Ngân sách Huyện: 251 triệu đồng.
- Ngân sách Xã: 64 triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp: 5.832 triệu đồng.
- Vốn huy động khác: 57 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt

3. Tiêu chí số 03 – Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên

- Chỉ tiêu 3.2: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Đảng ủy, UBND xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai trên địa bàn xã. Phân công cán bộ địa chính phụ trách công tác thủy lợi tham mưu xây dựng kế hoạch, thường xuyên theo dõi, quản lý sử dụng hiệu quả hệ thống kênh mương, các công trình thủy lợi. Huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu tưới, tiêu trong sản xuất và dân sinh.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn theo phương châm 4 tại chỗ. Hàng năm, xã đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Về thủy lợi:

UBND xã đã rà soát lại các tuyến kênh mương và đề xuất hỗ trợ xây mới, sửa chữa các tuyến kênh mương dẫn nước từ các hồ, đập đảm bảo phục vụ được nước tưới và tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp.

Xã có Tổ thủy nông, chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn xã.

Trên địa bàn xã có 01 hồ chứa nước, 05 đập dâng nước và các ao canh nhỏ tích trữ phục vụ cho việc điều tiết nước để sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

Hệ thống kênh mương với tổng chiều dài là 12,2 km, Trong đó:

+ Số kênh mương đã kiên cố hóa từ năm 2011 đến nay: 10,5 km đạt 86,06%

+ Số kênh mương chưa được kiên cố (bằng đất): 1,7 km.

Hệ thống kênh mương thường xuyên được tu sửa nạo vét, đảm bảo dẫn nước về tưới tiêu kịp thời. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động tính đến thời điểm hiện tại 605,5ha/705,6 ha, đạt 85,8%. Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động tính đến thời điểm hiện tại 705,6 ha/705,6 ha, đạt 100%.

- Về phòng chống thiên tai:

Công tác PCTT của xã đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Xã ban hành Quyết định thành lập ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây dựng Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ các thành viên; luôn sẵn sàng phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai; phương án huy động số lượng vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng chống thiên tai theo kế hoạch. Xã có thành lập đội xung kích phòng, chống thiên tai; có kế hoạch hoạt động của đội xung kích. Đồng

thời, hàng năm tổ chức chức tập huấn và phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, nghiệp vụ về phòng chống thiên tai cho cán bộ cấp xã, đội xung kích. Trên địa bàn xã không xảy ra vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai.

* *Khối lượng đã thực hiện:* Đã xây dựng, nâng cấp 10,5 km kênh mương; xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 01 công trình hồ đập. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

* *Kinh phí đã thực hiện:* từ năm 2011 - 2023: 3.958 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 2.723 triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp: 1.235 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt.

4. Tiêu chí số 04 – Điện

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 4.1: Hệ thống điện đạt chuẩn (Đạt)
- Chỉ tiêu 4.2: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn ($\geq 95\%$).

b, Kết quả thực hiện:

* *Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

UBND xã đã tuyên truyền vận động Nhân dân nâng cao ý thức sử dụng điện tiết kiệm và an toàn. Phối hợp với ngành điện tăng cường công tác quản lý hệ thống điện, đường dây trung, hạ thế. Trạm biến áp trên địa bàn, đảm bảo tỷ lệ hộ dân sử dụng điện thường xuyên an toàn 100%.

Toàn bộ hệ thống điện của xã đạt chuẩn, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của Bộ Công thương, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép.

* *Các nội dung đã thực hiện:*

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho xã Tân Thịnh là lưới điện quốc gia, cung cấp tương đối đảm bảo an toàn cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

- Hiện trạng xã có 8 trạm biến áp cung cấp điện.

- Về chất lượng và nguồn điện đã đảm bảo phục vụ sản xuất và dân sinh. Tuy nhiên đường trục của một số trạm kéo xa so với qui định nên một số hộ dân không đủ công suất điện sinh hoạt. Tất cả hệ thống điện trên địa bàn toàn xã đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.

* *Khối lượng đã thực hiện:*

- Toàn xã Tân Thịnh đến nay có 08 trạm biến áp: CQT Tân Thịnh (xóm Bản Mạn), Trạm biến áp Tân Thịnh, Trạm biến áp Khau Lang 2, Trạm biến áp Khau Lang, Trạm biến áp Làng Quàn (nay là xóm Làng Đúc), Trạm biến áp Nhà Chúa (nay là xóm Khuổi Lừa), Trạm biến áp Thịnh Mỹ, Trạm biến áp Đồng Muồng.

Có tổng số: 24,401km đường dây 3 pha và 2,352 km đường dây 1 pha.

- Điện chiếu sáng: hiện nay trên địa bàn xã có : 24,401km đường điện cao áp và có điện thấp sáng đường làng 9/9 xóm đảm bảo giao thông cũng như sinh hoạt của người dân.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn: Hiện nay trên địa bàn xã có 1189 hộ/1189 hộ đạt 100% hộ gia đình được sử dụng điện an toàn từ nguồn lưới điện Quốc gia.

* *Kinh phí thực hiện:* 1.700 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt

5. Tiêu chí số 05 – Trường học

a, Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định. (Có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu ($\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)).

b, Kết quả thực hiện:

* *Tình hình tổ chức triển khai của đơn vị:* Trên địa bàn xã Tân Thịnh hiện nay có 03 trường: Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở. Trong những năm qua, UBND xã và các trường học luôn làm tốt công tác tham mưu xây dựng, tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường học, chỉ đạo các nhà trường xây dựng và thực hiện tốt Kế hoạch xây dựng, duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia. Các trường học trên địa bàn xã đã thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, đồng thời làm tốt công tác duy tu, sửa chữa nâng cấp hàng năm, thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; Vận động phụ huynh, học sinh cùng tham gia tu sửa cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp, thân thiện.

* *Các nội dung đã thực hiện:* Hiện nay, các trường Mầm non, trường Tiểu học và trường Trung học cơ sở Tân Thịnh đều đã đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất 100% đạt mức chất lượng tối thiểu; trong đó trường Mầm non, trường THCS đạt cơ sở vật chất mức độ 1. Hiện tại đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động dạy và học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

* *Khối lượng thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí. Năm 2016 xây dựng nhà để xe giáo viên trường Tiểu học, năm 2017 sửa chữa nâng cấp trường Mầm non Tân Thịnh. Năm 2019 sửa chữa, nâng cấp trường Tiểu học Tân Thịnh phân hiệu Làng Duyên, Thịnh Mỹ; sửa chữa, nâng cấp các phòng chức năng trường THCS, Năm 2020 sửa chữa trường Tiểu học Tân Thịnh. Năm 2022, xây dựng trường Mầm non giai đoạn I tại vị trí mới. Năm 2023 tiếp tục thực hiện xây dựng trường Mầm non giai đoạn II và nhà hiệu bộ, các phòng chức năng phụ trợ trường Tiểu học Tân Thịnh.

* *Kinh phí đã thực hiện:* 49.122 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách nhà nước: 49.080 triệu đồng; nhân dân đóng góp 42 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt.

6. Tiêu chí số 06 – Cơ sở vật chất văn hóa

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1: Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã

- Chỉ tiêu 6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Đảng ủy, UBND xã đã tập trung quan tâm, chỉ đạo rà soát, xây dựng kế hoạch để đầu tư xây dựng các công trình cơ sở vật chất văn hóa, nhằm phục vụ tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã.

Huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư xây dựng. Đồng thời chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp đối ứng để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các nhà văn hóa xóm.

Chỉ đạo các xóm tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Thường xuyên chỉnh trang NVH, khuôn viên NVH các xóm.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Xã có nhà Văn hóa trung tâm xã với tổng diện tích xây dựng 250m² đủ diện tích cho 200 đại biểu dự hội nghị, sân khấu 60 m² và 04 phòng chức năng diện tích 30m²/phòng.

- Sân thể thao xã diện tích 6175m² hiện trạng cơ sở hạ tầng: Sân nền đất, đang được đầu tư nâng cấp.

- Xã có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi xã tại xóm Khau Lang xã Tân Thịnh. Ngoài ra các điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi còn có ở sân nhà văn hóa các xóm.

- Xã có 9/9 (100%) xóm có nhà văn hóa và sân thể thao được xây mới đảm bảo theo quy định, đã được đầu tư xây mới trong năm 2022 và năm 2023.

** Khối lượng thực hiện:*

Đầu tư xây dựng sân thể thao xã năm 2014 và nâng cấp sửa chữa nhà văn hoá xã và các phòng chức năng năm 2022. 21 nhà văn hoá xóm và sân thể thao được đầu tư xây mới giai đoạn 2012 - 2020 (*chưa sáp nhập xóm*) và trong năm 2022, 2023 đầu tư xây mới 09 nhà văn hoá xóm sân thể thao đảm bảo theo quy định. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

** Kinh phí thực hiện:* 8.286 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.858 triệu đồng.
- Ngân sách Tỉnh: 2.082 triệu đồng.
- Ngân sách Huyện: 400 triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp: 1.946 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt

7. Tiêu chí số 07 – Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a, Yêu cầu tiêu chí: Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

UBND xã đã tổ chức thực hiện đăng ký xây dựng chợ mới trong năm 2021, để thực hiện nâng cấp cải tạo chợ xã đáp ứng yêu cầu theo quy định.

** Các nội dung đã thực hiện:*

Xã Tân Thịnh có chợ xã Tân Thịnh tại xóm Bản Mản, có tổng diện tích là 2843,6m² (Trong đó bao gồm các hạng mục như: Gian hàng hóa có mái che; Đường giao thông trong chợ, Trạm cân, nhà vệ sinh, sân; khu bán hàng ngoài trời, rãnh thoát nước và điểm trông giữ xe);

Nhà chợ được phân thành các dãy nhà ki ốt được xây dựng bán kiên cố cột kềm, mái tôn và khu bán hàng ngoài trời. Nền chợ đã được bê tông hoá đảm bảo theo quy định. Các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình: Đảm bảo theo quy định. Chợ có bảng hiệu tên chợ, có bảng nội quy, số điện thoại liên hệ của tổ chức quản lý chợ; Chợ có khu vệ sinh nam, nữ phù hợp với quy mô của chợ; Có điểm trông xe ngoài trời; Có phương án phòng cháy chữa cháy và có tổ phòng cháy chữa cháy; Xã đã có quyết định thành lập tổ quản lý chợ; có nội quy họp chợ được công khai theo quy định.

** Khối lượng đã thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí: Sửa chữa, cải tạo chợ nông thôn xã Tân Thịnh mục nhằm đảm bảo đạt các tiêu chí chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định (Hạng mục nền đường và sân bê tông, rãnh thoát nước bê tông, cổng chợ, tường rào, kiot bán hàng mái tôn, trạm cân, nhà vệ sinh, điện nước).

** Kinh phí thực hiện:* 1.986 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.813 triệu đồng.
- Ngân sách Tỉnh: 173 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt.

8. Tiêu chí số 08 – Thông tin và truyền thông

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1: Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Chỉ tiêu 8.2: Xã có dịch vụ viễn thông, internet
- Chỉ tiêu 8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm (trong đó >2/3 số xóm có hệ thống loa hoạt động).
- Chỉ tiêu 8.4: Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

- Phát triển thông tin và truyền thông là tiền đề quan trọng để nâng cao dân trí, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, do đó Đảng ủy, UBND xã luôn quan tâm, ưu tiên triển khai thực hiện.

- Phối hợp với ngành bưu chính viễn thông cung cấp tốt các dịch vụ bưu chính, viễn thông chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu nhân dân trên địa bàn xã.

- Chỉ đạo chỉnh trang cụm loa phát thanh của các xóm để đảm bảo công tác tuyên truyền trên địa bàn xã được thực hiện thường xuyên, liên tục.

- Đầu tư hệ thống trang thiết bị, máy móc, phục vụ tốt nhu cầu làm việc, xử lý, giải quyết công việc của UBND xã.

- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ khai thác công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ xã, xóm.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- *Chỉ tiêu 8.1.* Hiện nay xã có 01 bưu điện văn hóa phục vụ bưu chính cho nhân dân với diện tích 240 m² tại xóm Bản Mản. Đảm bảo phục vụ dịch vụ bưu chính các ngày trong tuần, được trang bị thiết bị cơ bản đảm bảo để tổ chức phục vụ, cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương. Có biển tên điểm phục vụ, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ đảm bảo theo quy định.

- *Chỉ tiêu 8.2.* Các dịch vụ viễn thông, internet của xã phát triển đáp ứng được nhu cầu của nhân dân địa phương, có 09/09 (100%) xóm có điểm kết nối kỹ thuật mạng internet và mạng di động, 3G, 4G được phủ sóng 09/09 (100%) xóm trên toàn xã đảm bảo phục vụ cho việc học tập, tìm hiểu, tra cứu thông tin, thực hiện dịch vụ công, chuyển đổi số và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- *Chỉ tiêu 8.3.* UBND xã có Quyết định thành lập Ban biên tập Đài truyền thanh xã và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ban biên tập. Ban hành quy chế quản lý tổ chức và hoạt động của Đài truyền thanh xã.

Đài truyền thanh xã được đầu tư theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên do Sở TT&TT làm chủ đầu tư, theo đó Đài truyền thanh sử dụng công nghệ thông minh với 09 cụm loa truyền thanh lắp đặt tại 09 xóm. Các cụm loa hoạt động tốt đảm bảo công tác thông tin tuyên truyền tại địa phương.

- *Chỉ tiêu 8.4.* Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan đã được đẩy mạnh triển khai, thực hiện. Hiện nay tỷ lệ cán bộ, công chức (19/19) thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc đạt 100%, có kết nối mạng internet; cán bộ, công chức xã triển khai thực hiện có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành như:
<https://egov.thainguyen.gov.vn;> <https://qlvb.thainguyen.gov.vn;>
<https://mail.thainguyen.gov.vn;> <https://motcua.thainguyen.gov.vn;>
[https://dichvucong.thainguyen.gov.vn.](https://dichvucong.thainguyen.gov.vn;)

Trang thông tin điện tử của xã (tanthinh.dinhhoa.thainguyen.gov.vn) thường xuyên đăng tải các thông tin về tình hình phát triển KT- XH của địa phương, các văn bản đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước (*từ đầu năm đến nay thực hiện đăng tải 101 tin bài, 202 văn bản*).

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 92% (2395/2602).

** Khối lượng thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí. Hằng năm, Bưu điện huyện Định Hóa thực hiện việc sửa chữa Bưu điện văn hóa xã đảm bảo sáng, xanh, sạch đẹp, đầu tư hạng mục cơ sở vật chất như bàn ghế, máy tính kết nối mạng, nâng cao các danh mục phục vụ tại điểm bưu chính văn hóa xã đáp ứng nhu cầu phục vụ người dân. Các nhà mạng viễn thông huyện Định Hóa đẩy mạnh việc nâng cấp đường truyền, chất lượng internet viễn thông trên địa bàn xã, lắp đặt, bảo dưỡng, bảo trì các hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân trên địa bàn. Hệ thống loa truyền thanh xã được

thường xuyên sửa chữa, năm 2023 được đầu tư hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông minh. Cán bộ công chức xã được cấp đủ (100%) máy tính có kết nối mạng phục vụ công việc, nâng cao chất lượng phục vụ hành chính công trong cơ quan nhà nước.

** Kinh phí thực hiện:* 500 triệu đồng (đầu tư xây dựng đài truyền thanh xã).

c, Tự đánh giá Tiêu chí: Đạt.

9. Tiêu chí số 09 – Nhà ở dân cư

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 9.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố (không)
- Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ($\geq 80\%$)

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

- Trong những năm qua, Đảng ủy, UBND xã đã quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết, nhà mái ấm công đoàn.

- Tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, các công trình vệ sinh, cải tạo vườn tạp, quy hoạch các công trình sản xuất như gia trại, trang trại cho phù hợp với môi trường, hài hòa với hệ sinh thái và các công trình hạ tầng của các xóm.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn theo chính sách của Nhà nước. Vận động nhân dân tự chỉnh trang nhà cửa, các công trình vệ sinh tại gia đình.

- Trong những năm qua được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp chính quyền, MTTQ, sự ủng hộ của người dân xã đã tiến hành xóa nhà tạm, nhà dột nát.

- Công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn xã luôn được quan tâm triển khai sâu rộng trong nhân dân bằng nhiều hình thức. Ngoài các chương trình hỗ trợ theo chính sách của Nhà nước, Ủy ban Nhân dân xã đã phối hợp với các cấp, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân.

- Xã không có nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ nhà đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng là 976 hộ/1189 hộ, đạt 82,08%.

- Số nhà chưa đạt chuẩn theo quy định tiêu chuẩn của Bộ xây dựng là 213 hộ chiếm 17,91%.

** Khối lượng thực hiện:* Với nỗ lực phấn đấu đi lên của người dân trên địa bàn xã đã tự đầu tư kinh phí xây dựng được 1081 nhà ở; nhà nước hỗ trợ kinh phí và xi măng cho 70 nhà, thực hiện nhà đại đoàn kết 38 nhà. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

** Kinh phí thực hiện:* hỗ trợ xây dựng nhà ở: 8.560 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách xã: 160 triệu đồng.

- Nguồn huy động tài trợ khác: 6.300 triệu đồng.

- Nguồn đối ứng của nhân dân: 2.100 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt

10. Tiêu chí số 10 – Thu nhập

a, Yêu cầu tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt ≥ 42 triệu đồng/người.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

- Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tập trung chỉ đạo vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững xem đây là tiêu chí quan trọng trong 19 tiêu chí nông thôn mới.

- Đề đẩy mạnh phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân, các doanh nghiệp đã đầu tư thêm cơ sở mới, mở rộng sản xuất; đặc biệt là nguồn vốn từ trong nội lực của nhân dân đầu tư cho phát triển kinh tế để nâng cao thu nhập cho hộ dân.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Đề thực hiện tiêu chí nâng cao thu nhập cho người dân, chính quyền xã đã tạo điều kiện để người dân tiếp cận được với nguồn vốn vay ưu đãi cho sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong phát triển kinh tế gia đình; khuyến khích bà con phát huy các thế mạnh ở địa phương trong sản xuất nông nghiệp, mạnh dạn đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản;

- Các tổ chức Hội, đoàn thể đã chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, Trạm khuyến nông, Trung tâm dạy nghề huyện mở các lớp tập huấn, chuyển giao tiến bộ KHKT cho nông dân. Các lớp tập huấn ngắn ngày, các lớp học nghề đã giúp cho người nghèo chưa có việc làm trên địa bàn tiếp thu được những kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất, sử dụng đồng vốn cũng như sự giúp đỡ, chia sẻ của cộng đồng một cách hiệu quả.

- Năm 2023, qua rà soát đánh giá kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 43,73 triệu đồng/người/năm.

** Khối lượng đã thực hiện:*

Hàng năm tạo điều kiện cho các hộ gia đình được tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng, sản xuất hơn 35 tỷ đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các hộ gia đình nghèo cận nghèo trên địa bàn xã thực hiện như trong chăn nuôi lợn, gà, bò sinh sản, trâu, dê, chăn nuôi cá thương phẩm, trồng rừng sản xuất đối với cây quế, cây keo, trồng cây chè,... mở 10 lớp tập huấn trong các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất. Hàng năm, tổ chức các phiên giao dịch việc làm lao động, giải quyết việc làm cho hơn 400 lao động đi lao động trong các công ty trong nước và xuất khẩu lao động.

c, Tự đánh giá: Đạt.

11. Tiêu chí số 11 – Nghèo đa chiều

a, Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (<13%).

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

Đảng ủy, UBND xã luôn quan tâm đến công tác giảm nghèo trên địa bàn xã. Lòng ghép thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững trong thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND hằng năm và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo khác. Tích

cực chỉ đạo trong việc thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ các gia đình nghèo thoát nghèo.

UBND xã triển khai chương trình vay vốn phát triển sản xuất cho các hộ nghèo trên địa bàn. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các hộ nghèo, xây dựng quỹ hỗ trợ cho người nghèo.

Thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm, đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định.

** Các nội dung đã thực hiện:*

Hỗ trợ người dân nghèo tham gia các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi để áp dụng vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế từ đó thoát nghèo.

Thực hiện tốt các chính sách của nhà nước cho người nghèo như đào tạo nghề, khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ vốn sản xuất, vay vốn ưu đãi... để các hộ gia đình phát triển kinh tế. Ủy ban Nhân dân xã đã phối hợp với các cấp, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân đoàn kết giúp nhau “xóa đói, giảm nghèo”. Hội Phụ nữ, Hội Nông dân các cấp tập trung chỉ đạo các phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình”, “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh và thi đua làm giàu”, “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi”; xây và sửa nhà mái âm tình thương; khai thác các nguồn vốn hỗ trợ vay kết hợp với tập huấn kiến thức quản lý, sử dụng vốn vay có hiệu quả.

** Khối lượng đã thực hiện:* Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo đa chiều năm 2023.

- Tổng số hộ: 1189 hộ.

+ Tổng số hộ nghèo: 98 hộ, chiếm 8,24 %.

+ Tổng số hộ cận nghèo: 39 hộ, chiếm 3,28 %.

- Số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động:

+ Hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động: 10 hộ chiếm 0,84 %.

+ Hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động: 02 hộ chiếm 0,16 %.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã chiếm 10,58 %. Trong đó:

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều: 88 hộ /1179 hộ, chiếm 7,463%

+ Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều: 37 hộ/1187 hộ chiếm 3,117%

c, Tự đánh giá: Đạt.

12. Tiêu chí số 12 – Lao động

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 70\%$.

- Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 25\%$.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

UBND xã đã thành lập Ban chỉ đạo đào tạo nghề và giải quyết việc làm ở địa phương. Thực hiện tốt các chính sách lao động việc làm đối với người lao động, tuyên truyền, động viên lao động tạo việc làm tại chỗ, quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động có hiệu quả.

Tạo điều kiện cho lao động tham gia các hình thức lao động, kinh doanh hợp pháp. Thu hút vốn đầu tư áp dụng các mô hình, khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, tạo điều kiện vay vốn ngân hàng để đầu tư sản xuất, cho lao động đi làm tại các nhà máy, công ty, doanh nghiệp, xuất khẩu lao động.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Tổ chức tuyên truyền, định hướng, hướng nghiệp nhân dân trong việc lựa chọn học nghề sản xuất phù hợp với điều kiện năng lực của từng người từng gia đình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và thị trường ở địa phương.

- Thực hiện tốt các loại hình dạy nghề như vừa học nghề vừa làm, đào tạo nghề tại chỗ. Trú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống ở địa phương. Đẩy mạnh các mô hình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nhằm tạo việc làm cho người lao động.

** Khối lượng thực hiện:*

- Qua điều tra thu thập thông tin thị trường lao động năm 2023:

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là: 2250/3121 lao động đạt 72,09 %.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) là 982/3121 lao động đạt 31,46%.

c, Tự đánh giá: Đạt.

13. Tiêu chí số 13 – Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 13.1: Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

- Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

- Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

- Chỉ tiêu 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với phát triển vùng nguyên liệu làng nghề bền vững.

- Chỉ tiêu 13.5: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

- Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM, xã đã xây dựng Đề án phát triển sản xuất, các Kế hoạch thực hiện Đề án tái cơ cấu, kế hoạch phát triển sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực hợp tác sản xuất, tham gia các Hợp tác xã, Tổ hợp tác để cùng sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

- Chỉ đạo rà soát, xác định các sản phẩm chủ lực của xã, từ đó tập trung quan tâm, hỗ trợ và phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Tỉnh, huyện hỗ trợ các Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực hoạt động hiệu quả như: Cấp giấy đủ điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap, hỗ trợ trồng mới,

trồng thay thế giống chè, trồng mới các loại cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao, hỗ trợ phân bón thâm canh để sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao.

- Chỉ đạo thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng, ban hành quy chế hoạt động phù hợp và từng bước thực hiện các hoạt động công tác khuyến nông trên địa bàn xã.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- *Chỉ tiêu 13.1:* Trên địa bàn xã Tân Thịnh đã có HTX Nông nghiệp Yên Thịnh được thành lập năm 2019 theo giấy chứng nhận đăng ký HTX số 4601542212 ngày 25/7/2019 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Định Hóa, ngành nghề chính là sản xuất chè, trồng chè và kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp, người đại diện ông Phạm Xuân Hoàn - Chủ tịch HĐQT, với 09 thành viên trên địa bàn xã tại xóm Làng Ngõa, Bản Mản, Đồng Muồng, Khau Lang, Làng Đúc, tỉ lệ góp vốn đạt 11,1%, vốn điều lệ 900 triệu đồng. Trụ sở tại xóm Làng Ngõa xã Tân Thịnh. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 đạt 11,8 triệu đồng, năm 2022 đạt 96,1 triệu đồng. HTX Nông nghiệp Yên Thịnh đã ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nguyên liệu chè, trà thành phẩm với Công ty TNHH sản xuất và thương mại OTEAACZI và ký hợp đồng liên kết cung ứng vật tư phân bón phục vụ sản xuất chế biến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với Công ty Cổ phần Nông nghiệp HDT. Qua đánh giá xếp loại HTX năm 2021, năm 2022 đạt từ 60 điểm trở lên.

- *Chỉ tiêu 13.2:* Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững. Hợp tác xã Nông nghiệp Yên Thịnh cùng các nhóm hộ và Tổ hợp tác chè Làng Ngõa - Khau Lang thực hiện mô hình sản xuất chè theo hướng VietGap. Năm 2023 HTX nông nghiệp Yên Thịnh thực hiện ký kết hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ chè với HTX Đồng Tiến và thực hiện hợp bao tiêu sản phẩm đối với các nhóm, tổ sản xuất chè theo hướng VietGap trên địa bàn xã.

- *Chỉ tiêu 13.3:* Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Xã có hơn 11ha nguyên liệu chè được chứng nhận sản xuất theo quy trình VietGap. Diện tích này tập trung chủ yếu tại xóm Làng Ngõa, Khau Lang. Sản phẩm chè VietGAP tại xóm được HTX Nông nghiệp Yên Thịnh liên kết với HTX Đồng Tiến thu mua và chế biến thành chè khô thành phẩm đóng gói có tem nhãn bao bì đưa ra thị trường sản phẩm Long An trà có truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- *Chỉ tiêu 13.4:* UBND xã đã xây dựng triển khai Kế hoạch số 86 ngày 17/8/2022 thực hiện Chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển vùng nguyên liệu làng nghề bền vững giai đoạn 2021 - 2030. Đến nay, trên địa bàn xã không có làng nghề, làng nghề truyền thống.

- *Chỉ tiêu 13.5:* UBND xã đã ban hành Quyết định thành lập Ban vận động thành lập tổ KNCD; Quyết định thành lập Tổ khuyến nông cộng đồng gồm 11 thành viên; Quyết định ban hành quy chế hoạt động của tổ Khuyến nông cộng đồng. Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật trên địa bàn: 02 lớp hướng dẫn chăm sóc lúa J02 vụ xuân và kỹ thuật chăn nuôi bò cái sinh sản cho 140 hộ dân trên địa bàn xã. Công tác xây dựng mô hình: Thực hiện 01 mô hình sản xuất lúa thuần J02 vụ xuân năm 2022, 2023 theo chuỗi liên kết sản phẩm với diện tích 20 ha. Dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y: Tổ khuyến

nông cộng đồng thực hiện cung ứng hơn 5400 kg giống lúa các loại, và thực hiện cung ứng hơn 1000 liều Vắc xin, thuốc thú y các loại cho vật nuôi và 100 lít khử trùng chuồng trại.

Tư vấn thành lập, phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác: Tư vấn thành lập HTX, tổ hợp tác, tư vấn xây dựng Điều lệ và tổ chức hoạt động, tư vấn xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, tư vấn quy trình tổ chức quản lý, tư vấn liên kết, hợp tác, kết nối thị trường: Hỗ trợ 01 thành lập tổ hợp tác sản xuất chè VietGap tại xóm Làng Ngõa xã Tân Thịnh gồm 21 thành viên.

* *Khối lượng thực hiện:* Thành lập được 01 Hợp tác xã, có 01 sản phẩm Chè được chứng nhận VietGap là sản phẩm chủ lực của xã, thực hiện liên kết trong sản xuất, có 01 Tổ khuyến nông cộng đồng.

* *Kinh phí thực hiện:* 2.000 triệu đồng.

- Ngân sách trung ương: 1.400 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh: 200 triệu đồng
- Nguồn đối ứng nhân dân: 400 triệu đồng

c, Tự đánh giá Tiêu chí: Đạt.

14. Tiêu chí số 14 – Giáo dục và đào tạo

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.
- Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)

b, Kết quả thực hiện:

- *Tình hình tổ chức triển khai:* Trong những năm qua, công tác phổ cập giáo dục, nâng cao chất lượng dạy học luôn được địa phương quan tâm chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, phối hợp triển khai đồng bộ tới các đơn vị trường học, quan tâm chỉ đạo các hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng, tham mưu với các cấp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học, chú trọng công tác dạy và học nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trung tâm HTCD làm tốt công tác khuyến học, khuyến tài. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ luôn được duy trì và giữ vững trong nhiều năm.

- *Kết quả cụ thể như sau:*

* Tiêu chí 14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.

- + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi;
- + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;
- + Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 100%
- + Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3;
- + Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;
- Trung tâm học tập cộng đồng xếp loại Tốt

* Tiêu chí 14.2: Tỷ lệ học sinh (áp dụng cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): 229/240 đạt 95,54 %.

- *Khối lượng thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

c, Tự đánh giá: Đạt

15. Tiêu chí số 15 – Y tế

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: $\geq 90\%$
- Chỉ tiêu 15.2: Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế: Đạt
- Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): $\leq 24\%$
- Chỉ tiêu 15.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: $\geq 50\%$

b, Kết quả thực hiện:

* *Tình hình tổ chức triển khai:*

- Tập trung chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về lợi ích khi tham gia bảo hiểm y tế, đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Thường xuyên củng cố, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ y tế xã bảo đảm đầy đủ biên chế và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và tinh thần phục vụ nhân dân.

- Quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị Trạm y tế Tân Thịnh để đáp ứng như cầu khám, chữa bệnh cho người dân trong xã.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn xã. Xây dựng đội ngũ mạng lưới y tế thôn bản hoạt động tốt về chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm công tác.

- Triển khai tuyên truyền, thực hiện hướng dẫn cài đặt sổ sức khỏe điện tử cho nhân dân đảm bảo theo quy định.

* *Các nội dung đã thực hiện:*

- Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 4538/4931 đạt 92,03%; So với yêu cầu $\geq 90\%$, đánh giá đạt Chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 15.2: Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2013 theo Quyết định 1860/QĐ-UBND ngày 20/9/2013 của UBND tỉnh Thái Nguyên và đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 theo Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận 23 xã, thị trấn thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030. So với yêu cầu, đánh giá đạt Chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): 17,4% (66/380 trẻ) theo văn bản xác nhận của Trung tâm y tế huyện Định Hóa và Trạm y tế xã Tân Thịnh. So với yêu cầu chỉ tiêu $\leq 24\%$, đánh giá đạt Chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 15.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: đạt 77,6% (3825/4931) theo thống kê của Trung tâm Y tế huyện Định Hóa. So với yêu cầu chỉ tiêu $\geq 50\%$, đánh giá đạt Chỉ tiêu.

* *Khối lượng thực hiện:* Trạm y tế xã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp năm 2018, được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất y tế phục vụ cho nghiệp vụ của y tế tuyến xã. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

* *Kinh phí thực hiện:* 600 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt

16. Tiêu chí số 16 – Văn hóa

a, Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định ($\geq 80\%$); có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

b, Kết quả thực hiện:

* *Tình hình tổ chức triển khai:*

- Hàng năm, Đảng ủy, UBND xã đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình xây dựng NTM trong đó đưa chỉ tiêu xóm đạt chuẩn văn hóa vào một trong những chỉ tiêu của kế hoạch. Giao nhiệm vụ cụ thể cho các xóm xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể của từng xóm. UBND đã xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm” hàng năm; Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo Phòng trào xã và phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách xóm, tích cực tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

- Nêu cao vai trò lãnh đạo của chi bộ Đảng và Ban công tác Mặt trận cơ sở, Ban phát triển thôn trong công tác xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư. Thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang và lễ hội, văn hóa cơ quan, văn hóa cộng đồng dân cư, văn hóa giao thông. Xây dựng hương ước ở các xóm, triển khai tốt công tác họp nhân dân lấy ý kiến xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư tạo ra phong trào có sức lan tỏa hiệu quả.

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã và các xóm, tổ chức kiện toàn ban chỉ đạo, ban quản lý cấp xã, ban phát triển xóm, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả nội dung xây dựng 19 tiêu chí nông thôn mới theo lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm.

* *Các nội dung đã thực hiện:*

- Năm 2023 số xóm đạt xóm văn hóa: 09/09 đạt 100%.

- Cơ quan văn hóa năm 2023: 05/05 đạt 100%.

- Số hộ gia đình văn hóa: 1107/1189 hộ, đạt 93,1%.

- Hàng năm 09/09 xóm đăng ký xây dựng đạt “Làng văn hóa” với Ban chỉ đạo phong trào “TĐĐKXDĐSVH” huyện Định Hoá.

- Hàng năm Ban quản lý xây dựng NTM của xã có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới của xóm và xã.

* *Khối lượng thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

* *Kinh phí thực hiện:* 150 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt.

17. Tiêu chí số 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (Xã không thuộc khu vực III: $\geq 30\%$ (≥ 10 từ hệ thống cấp nước tập chung)).
- Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ($\geq 90\%$).
- Chỉ tiêu 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tại khu dân cư tập trung.
- Chỉ tiêu 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 2\text{m}^2$ / người).
- Chỉ tiêu 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.
- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ($\geq 70\%$).
- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (100%).
- Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ($\geq 70\%$)
- Chỉ tiêu 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ($\geq 60\%$)
- Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%).
- Chỉ tiêu 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 30\%$)
- Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn, được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 30\%$).

b, Kết quả thực hiện:

** Tình hình tổ chức triển khai:*

- Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm luôn được xã tập trung quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện. Tổ chức tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tiêu chí môi trường, chỉ đạo các tổ chức chính trị xã hội xã phối hợp triển khai thực hiện gắn với phong trào của hội đến các hội viên, đoàn viên và nhân dân.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh sạch đẹp. Xây dựng một nền kinh tế nông nghiệp xanh, bền vững, thân thiện với môi trường và không phát sinh chất thải. Luôn quan tâm, phát huy hết mức vai trò của người dân trong công tác giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường nông thôn.

- Tuyên truyền vận động nhân dân đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình hợp vệ sinh, chỉnh trang nhà vườn, bố trí chuồng trại chăn nuôi hợp lý và thực hiện tốt nếp sống văn hóa, văn minh.

- Huy động người dân vào cuộc, có kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, bảo đảm sự bền vững thông qua việc đưa các quy định về bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan vào các quy ước, hương ước của thôn, bản... để các hộ gia đình nghiêm túc thực hiện; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo rà soát các gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã. Kiểm tra, hướng dẫn các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

* Các nội dung đã thực hiện:

- **Chỉ tiêu 17.1:** Thực hiện kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 23/5/2023 của UBND huyện Định Hoá về thực hiện điều tra Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn huyện Định Hóa năm 2023, UBND xã Tân Thịnh đã triển khai điều tra, thu thập thông tin về việc thực hiện điều tra cập nhật Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn năm 2023 trên địa bàn xã, kết quả cụ thể như sau: Tiến hành điều tra tại 9/9 xóm trên địa bàn xã Tân Thịnh. Tổng số hộ được điều tra là: 1189 hộ; Tổng số công trình cấp nước tập trung là: 06 công trình.

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung là: 464/1189 hộ, đạt 39,1%.

+ Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch là: 587/1189 hộ, đạt 49,4%.

- **Chỉ tiêu 17.2:** Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100% (với 8/8 cơ sở). Trên địa bàn xã có các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản với quy mô nhỏ chăn nuôi nông hộ theo hướng truyền thống không sử dụng thuốc thú y, hóa chất, không có làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn. Không có vụ việc vi phạm về môi trường bị xử lý. UBND đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về chế biến lâm sản, bảo vệ môi trường tại các cơ sở chế biến lâm sản, cơ sở chăn nuôi trên địa bàn xã (Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 09/01/2023).

- **Chỉ tiêu 17.3:** Thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn, phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, có sự tham gia của cộng đồng, lồng ghép trong hương ước của các xóm.

+ Đường làng ngõ, xóm, cảnh quan từng hộ xanh – sạch – đẹp, an toàn không có các hoạt động suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp. Tổ chức thực hiện kế hoạch công tác vệ sinh môi trường định kỳ trên địa bàn, thu gom triệt để rác thải, không để tình trạng tồn đọng, vứt rác bừa bãi gây ô nhiễm.

+ Các tuyến đường được nhựa, bê tông hóa đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện quanh năm (Trong đó: Đường trục liên xã 15,5km/15,5km = 100%, đường trục xóm, liên xóm 9,73/10,59 km = 91,87%, đường ngõ xóm 17,64/21,81km = 80,89% được bê tông hóa đi lại thuận tiện).

+ Số km kênh mương được vệ sinh, nạo vét, khơi thông dòng chảy, phát quang, kê bờ = 12,2/12,2 km, đạt 100 %;

+ Diện tích trồng cây xanh đạt $32.920\text{m}^2/4931=6,67\text{ m}^2/\text{người}$.

+ Số hộ gia đình có diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh. Kết quả: 989 hộ/1189 hộ = 83,17%;

+ Tỷ lệ km đường lắp hệ thống chiếu sáng: $26,95/47,9 = 56,26\%$;

+ Tỷ lệ km các tuyến đường được trồng cây, trồng hoa: $19,3/47,9 = 40,29\%$;

+ Đã xây dựng các tuyến mương chính tiêu thoát nước thải dân cư cũng như phục vụ cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các xóm (theo hệ thống thoát nước

mương dẫn của các trục đường giao thông). Nước thải được thu gom qua hệ thống các mương đầu nối với các mương chính đã xây dựng;

+ Các hộ gia đình có hệ thống tiêu thoát nước thải, chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh; có bể xử lý biogas để xử lý chất thải trong chăn nuôi;

+ Hệ thống tiêu thoát nước thải, nước mưa chảy tràn của các xóm thông thoáng, không có hiện tượng đọng nước;

+ Các xóm có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường, thu gom về nơi quy định để xử lý và tổ chức phát động, thực hiện các hoạt động cải thiện môi trường xanh sạch đẹp;

+ Có phát động và thực hiện tốt phong trào "5 không 3 sạch" do chi hội phụ nữ xóm phụ trách. Định kỳ tổ chức tổng vệ sinh với sự tham gia của mọi người dân đảm bảo môi trường sạch đẹp;

- Thực hiện tốt phong trào Ngày Chủ nhật xanh trên địa bàn xã, thực hiện trồng cây xanh ở nơi công cộng, đường giao thông trên địa bàn và tại địa điểm các nhà văn hóa.

- **Chỉ tiêu 17.4:** Căn cứ Quyết định số 7824/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND huyện Định Hóa về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng NTM xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; tổng diện tích đất công cộng để sử dụng trồng cây xanh là $32.920\text{m}^2/4931\text{khẩu} = 6,67 \text{ m}^2/\text{người}$. So với quy định yêu cầu $>2\text{m}^2/\text{người}$.

- **Chỉ tiêu 17.5:** Công tác mai táng trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, người dân thực hiện việc mai táng phù hợp trên khu vực đất của gia đình và có quy hoạch khu nghĩa trang của xóm như Bản Mần, Khuổi Lừa, Thịnh Mỹ. Trong điều chỉnh quy hoạch chung của xã (giai đoạn 2021-2025) có quy hoạch khu nghĩa trang với diện tích 10ha, đưa ra khỏi quy hoạch giai đoạn trước tại xóm Thịnh Mỹ.

- **Chỉ tiêu 17.6:** Chất thải rắn được thu gom ở các xóm dọc trục đường liên xã, được vận chuyển đến các điểm tập kết xe rác thu gom tập trung và ký hợp đồng với đơn vị vận chuyển xử lý theo qui định (thực hiện 9/9 xóm); Có xây dựng phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn phát sinh, phê duyệt theo quy định; Có danh sách tổng hợp các hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Các hộ gia đình không tham gia phương án thu gom rác tập trung đào hố rác tự xử lý tại hộ.

- Kết quả tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

+ Khối lượng phát sinh: 17.259 kg/ tuần.

+ Khối lượng thu gom, xử lý theo quy định: $16.078,4/17.259 = 93,2\%$.

- **Chỉ tiêu 17.7:**

+ Chất thải y tế thông thường được phân loại, thu gom riêng biệt với chất thải y tế nguy hại, CTR sinh hoạt và được quản lý theo quy định; Đã có các bể thu gom thuốc BVTV trên các sùr đồng tổng trên địa bàn 100 bể thu gom.; Năm 2023 thu gom xử lý 220/220 kg đạt 100%.

+ Chất thải y tế nguy hại đã được phân loại, thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế. Thực tế được phân loại, thu gom riêng biệt trước khi đưa vào khu vực lưu giữ theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế; Năm 2023 thu gom xử lý 9/9 kg đạt 100% tổng phát sinh.

- **Chỉ tiêu 17.8:** Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của hội LHPN tỉnh, huyện, Hội LHPN xã đã kịp thời cụ thể hóa thành văn bản kế hoạch, quyết định của Hội để tổ chức thực hiện đạt kết quả. Tích cực tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền địa phương về công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Tiêu chí.

Hội LHPN xã chủ trì tổ chức hội nghị tập huấn về công tác bảo vệ môi trường, hướng dẫn thực hiện bảng kiểm định 18 hành động ngôi nhà 3 sạch, hướng dẫn phân loại và xử lý rác thải tại hộ gia đình theo nguyên tắc “3 có”, tuyên truyền, hướng dẫn các hộ gia đình xây dựng và sử dụng nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho cán bộ, hội viên phụ nữ 09/09 xóm và Ban công tác mặt trận các xóm trên địa bàn xã. Hội thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn công tác vệ sinh môi trường, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn theo nguyên tắc 3 có tại các hội nghị, các buổi sinh hoạt chi hội.... Hội tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới, được các hộ tích cực thực hiện đạt kết quả. Qua kiểm tra khảo sát tại các xóm, kết quả thực hiện nội dung chỉ tiêu như sau:

- + Số hộ có nhà sạch: 972/1189 hộ, đạt 81,75%
- + Số hộ có bếp sạch: 934/1189 hộ, đạt 78,55%
- + Số hộ có ngõ sạch: 960/1189 hộ, đạt 80,74%
- + Số hộ đảm bảo tiêu chí 3 sạch: 934/1189, đạt 78,55%.
- + Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh : 967/1189, đạt 81,33%;
- + Số hộ có nhà tắm hợp vệ sinh: 964/1189, đạt 81,08%;
- + Số hộ có thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 1164/1189, đạt 97,90%.

- **Chỉ tiêu 17.9:** Trên địa bàn không xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường từ chuồng trại chăn nuôi, các hộ gia đình xây dựng chuồng nuôi đảm bảo tách biệt với nơi ở của người; UBND xã xây dựng triển khai kế hoạch phun tiêu độc khử trùng chuồng trại và kế hoạch tiêm phòng cho các hộ có chăn nuôi gia súc, gia cầm và vật nuôi; công tác tiêu hủy động vật, vật nuôi khi có dịch bệnh xảy ra đảm bảo theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường; thực hiện tốt công tác kê khai trong chăn nuôi, đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi và xử lý chất thải trong chăn nuôi theo quy định của Luật Chăn nuôi.

- Số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã: 208 hộ.

- Số hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường như chuồng trại nằm cách biệt với nhà ở, định kỳ vệ sinh khử trùng tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, có biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch, thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định (chất thải chăn nuôi được thu gom xử lý bằng bể Bioga hoặc bể chứa xây, không xả, chảy tràn trên bề mặt đất; không

gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh): 190 hộ, đạt tỷ lệ 91,3 %. Các hộ thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định. Số hộ ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã: 208/208 hộ = 100%.

- **Chỉ tiêu 17.10:** UBND xã đã triển khai thực hiện cho ký cam kết thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã; định kỳ thường xuyên tổ chức đoàn kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm tại các phiên chợ xã, các dịp lễ, tết truyền thống của dân tộc; trong năm không có vụ việc xảy ra liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã. Đến nay, qua rà soát đánh giá 232/232 (đạt 100%) cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và 100% các hộ gia đình trên địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- **Chỉ tiêu 17.11:** Hằng năm, UBND xã đã tích cực chỉ đạo, phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã tổ chức thực hiện tốt công tác giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn đặc biệt là khu dân cư và nhà ở của từng hộ gia đình. Thực hiện việc thu gom, phân loại rác thải của hộ gia đình, đóng túi để đúng nơi tập kết rác của xóm theo quy định thuận tiện cho xe chở đến lò đốt rác tập trung tại xã.

+ Thành lập mô hình 3 sạch, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn của chi hội phụ nữ đến 09/09 xóm. Triển khai phân loại rác thải tại nguồn đối với Làng Đúc, Làng Ngõa, Khau Lang, Bản Mản, Đồng Tốc, Đồng Muồng: Tổ chức được 05 buổi tập huấn phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái sử dụng chất thải nhựa tại hội trường UBND xã cho 650 hộ gia đình và toàn thể cán bộ công chức.

+ UBND xã tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn theo quy định, UBND xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại thông qua tuyên truyền, vận động, đưa vào quy ước, hương ước của xóm;

+ CTR sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại thành 03 nhóm chất thải: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; CTR thực phẩm và CTR sinh hoạt khác; Số hộ gia đình phân loại chất thải tại nguồn 991/1.189 hộ = 83,35%;

+ Các HGD tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

- **Chỉ tiêu 17.12:** UBND xã nâng cao công tác tuyên truyền đến toàn thể nhân dân trên địa bàn xã thực hiện thu gom rác thải nhựa xây dựng các điểm thu gom trên địa bàn như Hội LH Phụ nữ xây dựng 06 điểm thu gom phế liệu tái chế Bản Mản; Đồng muồng; Khau Lang; Làng Đúc; Làng Dạ và trụ sở UBND xã. Trong năm thu gom 11 lần, với sự tham gia của 393 hội viên phụ nữ. Tổ chức được 05 buổi tập huấn phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái sử dụng chất thải nhựa tại hội trường UBND xã cho 650 hộ gia đình và toàn thể cán bộ công chức. Qua đó, kết quả thực hiện như sau:

+ Tổ chức, cá nhân không thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, mương, sông, suối;

+ Chất thải nhựa được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định của pháp luật; Chất thải nhựa không thể tái chế được chuyển giao cho cơ sở có chức năng để xử lý;

+ Có xây dựng và triển khai thực hiện mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; Thường xuyên hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa. Các hộ gia đình tham gia mô hình câu lạc bộ thu gom phế liệu gây quỹ của các chi hội phụ nữ phát động;

+ Khối lượng chất thải nhựa phát sinh: 949,2 kg/tuần;

+ Khối lượng chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: 727,3 kg/tuần đạt 76,6%.

* *Khối lượng thực hiện:* Nâng cấp mở rộng quy mô sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã. Các hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại gia đình, tập kết rác thải sinh hoạt vận chuyển đến nơi xử lý tập trung. Hỗ trợ hơn 150 hộ gia đình xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, 111 hộ xây dựng nhà tắm. Tuyến đường hoa cây xanh 19,3km. Các hộ chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, dịch bệnh được kiểm soát. Môi trường cảnh quan không gian xã sáng, xanh, sạch đẹp.

* *Kinh phí thực hiện:* 308 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh: 254 triệu đồng

- Nguồn đóng góp nhân dân: 54 triệu đồng.

c, Tự đánh giá Tiêu chí: Đạt.

18. Tiêu chí số 18 – Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn
- Chỉ tiêu 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên
- Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên
- Chỉ tiêu 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội
- Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hoạt động của Ban phát triển thôn.

b, Kết quả thực hiện:

* *Tình hình tổ chức triển khai:*

- Đảng ủy, HĐND, UBND xã luôn quan tâm, xây dựng kế hoạch phấn đấu xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh nhằm tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ địa phương có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm trong công tác, sáng tạo trong lao động, tâm huyết với công cuộc xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, bố trí sắp xếp, tuyên chọn cán bộ bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn để phát huy năng lực cá nhân. Quan tâm,

tạo điều kiện cho cán bộ, công chức xã được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

- Chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở đảng từ chi bộ và phát huy tốt vai trò hoạt động của MTTQ và các đoàn thể quần chúng nhân dân.

- Quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đồng thời củng cố hệ thống truyền thanh cơ sở giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin và các quy định của pháp luật.

* Các nội dung đã thực hiện:

- Chỉ tiêu 18.1:

Đối với cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định và bồi dưỡng các kiến thức bổ trợ, bồi dưỡng các chức danh chủ chốt theo quy định, cụ thể như sau:

+ Số lượng cán bộ, công chức có mặt tại thời điểm báo cáo (Tháng 11/2023) là: 18 người. Trong đó cán bộ 09, công chức 09 (Có 01 chức danh kiêm nhiệm là Bí thư Đảng uỷ kiêm chủ tịch Chủ tịch HĐND xã).

+ Về trình độ văn hóa: Có 18/18 cán bộ, công chức có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông (12/12), đạt tỷ lệ 100%.

+ Về trình độ chuyên môn: Đối với cán bộ: Có 09/09 người, đạt 100% số cán bộ có bằng chuyên môn tốt nghiệp đại học. Đối với công chức: 09/09 người đạt 100% số công chức có bằng chuyên môn đại học, đạt 100%.

+ Về trình độ lý luận chính trị: Đối với cán bộ: có 09/09 cán bộ có trình độ lý luận chính trị trung cấp chiếm tỷ lệ 100%. Đối với công chức: 05/09 công chức, chiếm 55,6% có trình độ lý luận trung cấp.

+ Về Quản lý nhà nước: Đối với cán bộ: 09/09 cán bộ, đạt 100% có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên. Đối với công chức: 09/09 công chức, đạt 100% có chứng chỉ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên.

+ Về Quản lý Kinh tế: có 05/05 đồng chí cán bộ chủ chốt có Bằng cử nhân Kinh tế và chứng chỉ quản lý Kinh tế, đạt 100%.

+ Về trình độ tin học: Cán bộ, công chức có chứng chỉ tin học trình độ B trở lên hoặc được đào tạo, bồi dưỡng cấp giấy chứng nhận về tin học 18/18 đạt 100%. 100% cán bộ, công chức xã sử dụng thành thạo máy vi tính và khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm quản lý chuyên dụng theo ngành và lĩnh vực.

+ Cán bộ, công chức biết tiếng dân tộc thiểu số: Có 16/19 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số chiếm 88,9% và có 02 cán bộ, công chức là người dân tộc Kinh đã sinh sống và sinh hoạt lâu năm tại vùng dân tộc thiểu số nên có thể nghe và nói thành thạo một thứ tiếng dân tộc trên địa bàn.

- Chỉ tiêu 18.2:

+ Năm 2023: Đảng bộ xã Tân Thịnh được Ban Thường vụ Huyện uỷ Định Hóa xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tại Quyết định số 1774-QĐ/HU, ngày 06/11/2023 về đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể Ban chấp hành Đảng bộ, Chi uỷ, Chi bộ cơ sở trực thuộc Huyện uỷ năm 2023.

+ Năm 2023: Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh được Đảng ủy xã Tân Thịnh xếp loại: “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Quyết định số 62/QĐ/ĐU, ngày 30/10/2023 về việc xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo, quản lý năm 2023.

- **Chỉ tiêu 18.3:** Năm 2023, xã có 05/05 tổ chức chức chính trị - xã hội được các tổ chức cấp trên đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cụ thể:

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN xã Tân Thịnh được UBMTTQ Việt Nam huyện Định Hoá xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Công văn số 20/MTTQ-BTT, ngày 12/10/2023;

+ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã Tân Thịnh được Ban thường vụ Huyện đoàn Định Hoá xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Công văn số 275-CV/ĐTN, ngày 12/10/2023 về việc tham gia ý kiến đánh giá, xếp loại đối với Đoàn xã Tân Thịnh năm 2023;

+ Hội Cựu chiến binh xã Tân Thịnh được Ban thường vụ Hội CBC huyện Định Hoá xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Quyết định số 13/QĐ-CCB, ngày 10/10/2023 về việc Công nhận tổ chức Hội cơ sở đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành nhiệm vụ năm 2023;

+ Hội LHPN xã Tân Thịnh được Ban thường vụ Hội LHPN huyện Định Hoá xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Quyết định số 19/QĐ-BTV, ngày 12/10/2023 về việc xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội LHPN các xã, thị trấn; Hội LHPN Công an huyện năm 2023;

+ Hội Nông dân xã Tân Thịnh được Ban chấp hành Hội Nông dân huyện Định Hoá xếp loại “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*” tại Công văn số 51-CV/HNDH, ngày 12/10/2023.

- **Chỉ tiêu 18.4:** Xã Tân Thịnh triển khai các hoạt động xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp với 5 tiêu chí và 20 chỉ tiêu theo đúng quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của Phòng Tư pháp. Tổng số điểm của các tiêu chí đạt 87,75 điểm; Tổng số điểm của từng tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên; Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- **Chỉ tiêu 18.5:** Trên địa bàn xã hiện nay với sự quan tâm về bình đẳng giới nên cán bộ làm công tác quản lý có 07 nữ (trong đó 01 là Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, 06 là cán bộ, công chức xã); trên địa bàn xã không có vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, không có tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; không có bạo lực trên cơ sở giới, xâm hại trẻ em; công tác bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội được quan tâm tuyên truyền triển khai thực hiện tốt. Xã đã bố trí cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em, thành lập Ban bảo vệ trẻ em. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã được quan tâm hỗ trợ theo đúng quy định.

Tỷ lệ phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường) đạt: 33,33%; Tỷ số giới tính khi sinh là đảm bảo đạt theo kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Xã Tân Thịnh có 10 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng là nhà của 09 Trưởng xóm trên địa bàn xã và Trạm y tế xã; Xã Tân Thịnh có “Ban bảo vệ trẻ em xã Tân Thịnh” có quyết định thành lập và quy chế làm việc, thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định.

- **Chỉ tiêu 18.6:** UBND xã đã tích cực chủ động trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã. Tổ chức đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về chương trình xây dựng nông thôn mới đối với toàn thể cán bộ, công chức xã; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, truyền thông về nông thôn mới do cấp huyện tổ chức. Trong đó tập trung bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển xóm. Từ khi thực hiện Chương trình xây dựng NTM đến nay, xã đã tổ chức và phối hợp tổ chức triển khai 52 lớp tập huấn, với hơn 2.200 lượt người tham gia. Trong đó đối với cán bộ xã: 986 lượt người tham gia. Còn đối với xóm và nhân dân: 1.214 lượt người tham gia.

* **Khối lượng thực hiện:** Xã đã được đầu tư xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2023, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ như máy tính có kết nối internet, máy scan, máy in, camera,...Xã Tân Thịnh có 10 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng là nhà của 09 Trưởng xóm trên địa bàn xã và Trạm y tế xã. Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

c, Tự đánh giá Tiêu chí: Đạt.

19. Tiêu chí số 19 – Quốc phòng và an ninh

a, Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.

- Chỉ tiêu 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em trên địa bàn; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả.

b, Kết quả thực hiện:

Chỉ tiêu 19.1:

* **Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:** Hằng năm Đảng ủy ra Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ công tác QP&ĐP, các Nghị quyết chuyên đề về xây dựng lực lượng, huấn luyện, diễn tập và hoạt động của lực lượng dân quân; UBND xã ban hành kế hoạch công tác QP&ĐP, công tác DQTV, GDQP&AN, công tác đăng ký quản lý DQTV, công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ...; Xây dựng đội ngũ cán bộ Ban CHQS xã đúng cơ cấu, đủ thành phần trình độ chuyên môn

của cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó CHT Ban CHQS xã bảo đảm theo quy định của trên và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh toàn dân, cử cán bộ thuộc đối tượng 3 và đối tượng 4 cấp huyện đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 cấp xã đúng kế hoạch và chỉ đạo phổ hợp công tác GDQP&AN cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Xây dựng lực lượng dân quân theo Luật DQTV năm 2019, với phương châm xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp”, tổ chức biên chế lực lượng dân quân theo quy định của Bộ Quốc phòng và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Tính đến nay Đảng viên trong dân quân = 20 đồng chí, đạt tỷ lệ 25,97% so với tổng số dân quân hiện có của xã (77 đồng chí).

- Tổ chức huấn luyện dân quân theo Thông tư số 69/2020TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng, bảo đảm chặt chẽ, chất lượng, đúng nội dung, đủ thời gian, chương trình đề ra và an toàn tuyệt đối về người, VKTB.

- Duy trì tốt các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu và công tác hoạt động phối hợp của lực lượng dân quân với các lực lượng khác theo quy định hướng dẫn của trên; làm tốt công tác đăng ký quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, lực lượng DQTV; đăng ký, quản lý tốt lực lượng DBĐV và làm tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự hàng năm.

- Làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng. Trong xã không có các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự địa phương

** Khối lượng thực hiện:* Hoàn thành 100% khối lượng công việc theo yêu cầu của tiêu chí.

Chỉ tiêu 19.2:

** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:*

- Hằng năm, Đảng ủy xã ban hành nghị quyết, ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Thường xuyên kiện toàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTP, TNXH và XDPT toàn dân bảo vệ ANTQ xã; huy động sự vào cuộc của các ngành, đoàn thể, các khu dân cư và toàn thể Nhân dân, trong đó lực lượng Công an đóng vai trò nòng cốt trong tham mưu, phối hợp Mặt Trận Tổ quốc và các ngành, đoàn thể triển khai thực hiện công tác đảm bảo ANTT.

** Các nội dung đã thực hiện:*

- Triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết, chương trình công tác đảm bảo ANTT như: Quyết định số 623/QĐ-TTg, ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Kết luận số 44-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ trong tình hình

mới; đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ về Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg của Chính phủ về tăng cường công tác PCCC trong tình hình mới.

- Thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn. Chú trọng công tác nắm tình hình và giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân, không để hình thành “điểm nóng” về ANTT. Trên địa bàn xã không xảy ra hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không xảy ra các vụ việc khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật.

- Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến những phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường giáo dục, cảm hoá đối với các đối tượng quản lý trên địa bàn xã; thường xuyên tổ chức công tác tuần tra khép kín địa bàn góp phần phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường mở các đợt tấn công trấn áp tội phạm đảm bảo ANTT phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (nhất là dịp Tết Nguyên đán, các sự kiện quan trọng của đất nước, địa phương). Không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Năm 2023, không xảy ra tội phạm về trật tự xã hội (giảm 01 vụ so với năm 2022); tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông được kiểm chế, giảm so với năm trước; trên địa bàn xã không xảy ra các vụ cháy, nổ.

- Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT (mỗi năm tổ chức ít nhất 03 hội nghị phát động điểm tại địa bàn dân cư); thường xuyên đổi mới, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia công tác đảm bảo ANTT, trong đó chú trọng phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ đảm bảo ANTT ở cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng.

- Hiện nay, trên địa bàn xã đang duy trì hoạt động thường xuyên, hiệu quả của các mô hình: Camera an ninh (với tổng số 06 mắt camera); mô hình tổ liên gia an toàn PCCC; mô hình tổ an ninh nhân dân; mô hình khu dân cư an toàn về ANTT; mô hình công trường ATGT; tích cực tuyên truyền, vận động mỗi hộ dân tự trang bị ít nhất 01 bình chữa cháy (đến nay đã có 315 hộ dân trang bị bình chữa cháy).

- Tập thể Công an xã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm bị xử lý kỷ luật; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân vi phạm pháp luật.

- Hằng năm, 100% khu dân cư, cơ quan, nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý và UBND xã đăng ký phân đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”. Năm 2023, 09/09 khu dân cư, 01 cơ quan, 01 nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”; xã Tân Thịnh tự đánh giá đảm bảo tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

* *Khối lượng đã thực hiện:* Hoàn thành 100% yêu cầu của tiêu chí.

* *Kinh phí đã thực hiện:*

Tổng kinh phí thực hiện từ 2011 đến nay: 474 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí thực hiện giai đoạn 2011 – 2020: 250 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 – nay: 224 triệu đồng.

c, Tự đánh giá: Đạt.

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, các phòng ban chuyên môn, cùng với sự quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc xã Tân Thịnh đã hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã với 19/19 tiêu chí đạt chuẩn.

- Thực hiện tốt theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 22/10/2022 của UBND xã Tân Thịnh về Xây dựng nông thôn mới xã Tân Thịnh giai đoạn 2022 – 2025.

- Về xây dựng hạ tầng nông thôn: Đường giao thông đường xã, liên xã được nhựa hoá và bê tông hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm trong đó cứng hoá đạt 100%, đường trục xóm liên xóm được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại đạt 91,92%, đường ngõ, xóm sạch đảm bảo đi lại thuận tiện đạt 80,89%, đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa đạt 99,58%. Hệ thống thủy lợi phục vụ tưới và tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp trên 85% diện tích canh tác. Hệ thống điện đạt chuẩn, an toàn, sử dụng 100% từ hệ thống điện quốc gia. Xã có nhà văn hóa và các phòng chức năng, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trụ sở UBND xã, trường học đã và đang được đầu tư xây dựng khang trang, xanh sạch đẹp. Cơ sở vật chất hóa từng bước được nâng cao, xã có nhà văn hóa xã và phòng chức năng, sân vận động xã được đầu tư, có điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ của địa phương cũng như của nhân dân, 09/09 xóm có nhà văn hóa và sân thể thao đạt chuẩn. Chợ xã Tân Thịnh được xây dựng tại xóm Bản Mản đáp ứng được nhu cầu giao thương hàng hóa của nhân dân. Hạ tầng bưu chính, viễn thông, internet trên địa bàn xã đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Tỷ lệ nhà ở dân cư bán kiên cố và kiên cố đạt chuẩn theo bộ xây dựng đạt 82,08%.

- Về phát triển kinh tế, tổ chức sản xuất nâng cao thu nhập, giảm nghèo: Trong phát triển kinh tế của xã, sản xuất nông, lâm nghiệp là chủ yếu. Trong những năm gần đây, kinh tế của xã đã đạt được những thành tựu đáng kể, tốc độ tăng trưởng khá. Xã có 01 HTX Nông nghiệp Yên Thịnh bước đầu có những hoạt động sản xuất được đánh giá khá hiệu quả, thực hiện các mô hình liên kết sản xuất, sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap, OCOP. Nhìn chung trên địa bàn xã Tân Thịnh đang phát triển với các ngành nghề đa dạng như ngành trồng trọt và chăn nuôi, thương mại, dịch vụ có những chuyển biến tích cực, lực lượng lao động qua đào tạo đạt 72,09%. Thu nhập chủ yếu của người dân trong xã là nhờ vào đẩy mạnh phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và khuyến khích phát triển các mô hình vườn rừng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao và thu nhập cho người dân. Đến nay, thu nhập bình quân của người dân đạt 43,73 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ nghèo đa chiều của xã còn 10,58%.

- Về văn hóa – xã hội – môi trường: Công tác giáo dục đào tạo được củng cố thường xuyên, đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 2 trở lên, trung tâm học tập cộng đồng xã hàng năm đều được đánh giá xếp loại tốt trở lên. Tỷ lệ trẻ em học sinh tốt nghiệp đạt trên 88%. Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%, đến nay trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi còn

17,7%, tăng cường cài đặt số sức khỏe cho người dân. Hằng năm các xóm đều đạt danh hiệu xóm văn hóa từ 90% trở lên, gia đình văn hóa đạt từ 93% trở lên.

Công tác môi trường luôn được chú trọng quan tâm thực hiện thường xuyên liên tục, tạo cảnh quan môi trường trên địa bàn xã được sáng xanh sạch đẹp, xây dựng hình thành hành động đẹp trong cộng đồng dân cư vì môi trường, an toàn. Trên địa bàn xã hiện tại không có cơ sở sản xuất, chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Xã được đầu tư xây dựng lò đốt rác tại xóm Bản Mản, hầu hết rác thải sinh hoạt của người dân được thu gom, phân loại và vận chuyển đến lò để xử lý.

- Về xây dựng hệ thống chính trị, quốc phòng và an ninh trật tự nông thôn: Đến nay, Cán bộ xã cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định. Đối với các chức danh chủ chốt yêu cầu về quản lý kinh tế UBND xã đã đăng ký danh sách tham gia lớp quản lý kinh tế đối với 04 chức danh lãnh đạo. 100% số công chức có bằng chuyên môn tốt nghiệp từ trung cấp trở lên phù hợp theo chức danh đảm nhiệm. 100% công chức có chứng chỉ tin học. 100% cán bộ, công chức hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và đã được cấp chứng chỉ. Hàng năm UBND xã đều cử công chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức theo từng chức danh công chức. Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã, hằng năm đều được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Hàng năm cấp ủy đều ban hành Nghị quyết lãnh đạo công tác an ninh, trật tự. Đồng thời chỉ đạo các Chi bộ, các đoàn thể trong hệ thống chính trị luôn bám sát, nắm bắt tình hình tư tưởng nhân dân, để kịp thời tham mưu cho cấp ủy giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Tuyên truyền, vận động nhân dân phát hiện và tố giác tội phạm, các đối tượng truyền đạo trái phép, các hành vi chống Đảng, Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền được trú trọng quan tâm, đẩy mạnh. Vì vậy, nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về xây dựng NTM có nhiều chuyển biến tích cực, diện mạo nông thôn đã có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, cơ cấu kinh tế, sản xuất nông nghiệp chuyển biến rõ nét. Chương trình xây dựng NTM ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất hơn, hướng tới sự hài lòng của người dân, phát huy tối đa vai trò chủ thể của nhân dân.

- Quá trình tổ chức triển khai thực hiện xác định nội dung quan trọng nhất là nâng cao nhận thức về ý nghĩa tầm quan trọng, nhiệm vụ của người dân và cả hệ thống chính trị ở xã trong việc xây dựng xã nông thôn mới. Từ đó các tiêu chí đã thực hiện tốt, với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” cộng đồng dân cư tích cực ủng hộ đóng góp bằng tiền, ngày công, hiến đất và tài sản trên đất chung tay thực hiện xây dựng nông thôn mới, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

1. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

Do việc thực hiện một số tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới đòi hỏi cần nguồn lực lớn, xong nguồn lực trong nhân dân tại địa phương chưa đáp ứng theo được yêu cầu, vì vậy ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành các tiêu chí.

Việc huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn. Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước (kể cả vốn lồng ghép từ các mục tiêu, dự

án khác) chưa cao, nhân dân phải đối ứng nhiều; chưa huy động được nhiều nguồn vốn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp.

Công tác xây dựng xã nông thôn mới là nhiệm vụ mới vừa thực hiện vừa học hỏi và rút kinh nghiệm nên trong quá trình thực hiện gặp nhiều khó khăn.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được và những hạn chế trong quá trình xây dựng nông thôn mới, xã Tân Thịnh đã rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn đó là:

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để đội ngũ Cán bộ Đảng viên và nhân dân trong xã nhận thức rõ và thấy được tầm quan trọng của Chương trình xây dựng nông thôn mới, đòi hỏi phải có sự vào cuộc đồng bộ, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Từ đó hiểu rõ nội dung, cách làm, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng tổ chức và cá nhân trong xây dựng NTM. Để xóa bỏ tư tưởng trông chờ Nhà nước đầu tư, cần có sự phân công đăng ký nhiệm vụ đối với từng tổ chức, đoàn thể cụ thể, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động, phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận, từng thành viên, phân cấp, quản lý, cụ thể, rõ ràng, không để tình trạng né tránh, tập trung lãnh đạo với phương châm mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mọi lợi ích đều phải nhằm phục vụ nhân dân; trong công tác quy hoạch, cần cân đối quỹ đất cho phù hợp, quy hoạch phải mang tính khoa học, phù hợp với thực tế, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phải đảm bảo về chất lượng, tránh hình thức và chạy theo thành tích.

- Huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư, con em thành đạt xa quê khai thác các nguồn thu tại địa phương “Lấy sức dân để lo cho dân” tạo nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân là mục tiêu cơ bản; do vậy phải thực hiện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội, đặc biệt phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của nhân dân, xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên những nhu cầu cấp bách, phát huy nội lực về trí tuệ, công sức, tiền bạc của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư.

- Phát huy tốt quy chế dân chủ công khai, minh bạch, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát, tạo niềm tin cho quần chúng nhân dân.

- Chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, đảm bảo Quốc phòng - An ninh nông thôn.

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

- Mô hình đường hoa tại trung tâm xã và các xóm.
- Mô hình thu gom rác thải tái chế tại xóm Làng Dạ, Làng Đúc, Khau Lang, Bản Mản, Đồng Muồng.
- Mô hình chè VietGAP xóm Làng Ngõa, Khau Lang.
- Mô hình sản xuất giống lúa thuần J02 xóm Làng Ngõa, Làng Dạ.
- Mô hình đường điện thấp sáng làng quê tại xóm Bản Mản, Đồng Tóc, Đồng Muồng, Khau Lang, Làng Dạ, Làng Ngõa, Thịnh Mỹ, Làng Đúc.
- Mô hình trồng cây ăn quả cam đường hồng xiêm xoài xóm Làng Ngõa; mô hình Cam vinh Yên Quy (xóm Bản Mản);

- Mô hình ươm cây giống lâm nghiệp hộ Bùi Công Toàn (xóm Làng Ngõa), Bàng Văn Hòa (xóm Bản Mản);

- Mô hình chăn nuôi trâu hộ ông: Phạm Xuân Hoàn và Nguyễn Viết Tô (xóm Làng Ngõa).

V.KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Quan điểm

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền và công tác tuyên truyền vận động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ xã đến cơ sở xóm trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với quan điểm "Xây dựng nông thôn mới là một quá trình lâu dài, thường xuyên và liên tục, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc". Phấn đấu xây dựng xã Tân Thịnh trở thành một xã nông thôn mới hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; môi trường xanh, sạch, đẹp; đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. môi trường sinh thái được bảo vệ; ; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng nông thôn mới là sự vận dụng sáng tạo lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, hướng đến thực hiện mục tiêu cách mạng xã hội chủ nghĩa, từng bước xóa bỏ sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn.

2. Mục tiêu

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới của xã đã đạt chuẩn giai đoạn 2021-2025 theo yêu cầu Bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

Phấn đấu đến năm 2027 xã Tân Thịnh đạt xã Nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 01 xóm đạt xóm NTM kiểu mẫu.

Nâng cao chất lượng tiêu chí giao thông, hoàn thành 100% đường giao thông, đường làng ngõ xóm, liên xóm được cứng hóa và mở rộng các tuyến đường tại các xóm.

Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người đạt 48 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/ năm theo tiêu chí mới, phấn đấu đến năm 2030 có 02 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên. Hằng năm có 100% số hộ gia đình, xóm, cơ quan đăng ký xây dựng đời sống văn hóa; trong đó có 90% gia đình, 80% số xóm trở lên và 100% cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa; Đến năm 2025, 09/09 xóm đều có Tổ thu gom và thực hiện phân loại rác tại nguồn; Phấn đấu có trên 98% hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, có 50% hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung.

Xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, tiến bộ có kết cấu hạ tầng Kinh tế - xã hội ngày càng đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế hợp lý; các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, du lịch và ngành nghề nông thôn; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; trình độ dân trí được nâng cao; môi trường

sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện và nâng cao.

3. Nội dung, giải pháp

3.1. Nội dung:

- *Về Quy hoạch:* Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt theo đúng quy định. Rà soát, đánh giá, kịp thời thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và định hướng phát triển kinh tế xã hội của xã giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- *Về Hạ tầng, kinh tế - xã hội:*

+ Đường ngõ xóm, nội đồng được bê tông hóa đạt 100%. Xây dựng 04 công trình đường giao thông nông thôn. Mở rộng các tuyến đường giao thông xóm.

+ Xây dựng trụ sở Công an xã, Quân sự xã, hoàn thành xây dựng trường mầm non tại vị trí mới, nhà hiệu bộ và công trình phụ trợ trường Tiểu học.

+ Nâng cấp, cải tạo sửa chữa 4km kênh mương.

- *Về Kinh tế và tổ chức sản xuất:* Phân đầu có thêm từ 1-2 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác xã, liên kết trong sản xuất.

- *Về văn hóa - xã hội - môi trường:* Duy trì đạt 100% số xóm đạt xóm văn hóa, các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên. Tiếp tục thực hiện các tuyến đường hoa, cây xanh.

- *Về hệ thống chính trị:* Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng, tình hình an ninh được giữ vững, không có trọng án xảy ra, không có người địa phương phạm tội nghiêm trọng, các tệ nạn xã hội được kiểm chế giảm so với các năm trước.

3.2. Giải pháp:

Giữ vững các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới, tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Phân đầu hằng năm thực hiện 3 đến 4 Tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức, sát với thực tế, phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí, ý thức trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới để người dân thực sự làm chủ trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Quán triệt quan điểm: Xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, toàn diện, lâu dài trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; là quá trình thường xuyên, liên tục, “*Có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc*”.

Hằng năm xây dựng các dự án phát triển hỗ trợ sản xuất, tạo công việc lao động, giải quyết việc làm trong phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp cho người dân nói chung và cho hộ nghèo, cận nghèo.

Tiếp tục đầu tư công trình hạ tầng về giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, viễn thông, môi trường. Huy động sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về vốn từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và nguồn đóng góp của nhân dân.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy Đảng, Chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã; nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền từ xã đến cơ sở xóm trong việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Tăng cường công tác phối kết hợp giữa Ban chỉ đạo, Ban quản lý NTM xã với các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện Chương trình và từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới nâng cao.

Vận dụng có hiệu quả các cơ chế, chính sách nguồn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước, các thành phần kinh tế tư nhân và trong dân cư để thực hiện các chương trình, dự án; vận dụng phù hợp các cơ chế chính sách hiện hành để thu hút các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; huy động vốn tín dụng để phát triển kinh tế, đầu tư cho sản xuất; đa dạng hóa các khoản huy động bằng tiền, đất đai, công lao động, vật liệu, máy móc thiết bị... để đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn mới.

Tập trung hoàn thành cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: Mở rộng các tuyến đường giao thông trục xóm, ngõ xóm, mở rộng mặt đường đảm bảo có cây xanh bóng mát hai bên đường, những đoạn đường có điều kiện tiếp tục trồng hoa xây dựng cảnh quan hai bên đường, cải tạo các công trình thủy lợi, kênh mương nội đồng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Đẩy mạnh công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực có thế mạnh của địa phương, coi đây là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp.

Thông qua các chính sách hỗ trợ của nhà nước, các chương trình dự án để nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và địa phương; Hỗ trợ phát triển các tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, nhân rộng các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, mô hình liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác. Nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, phát triển các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đẩy mạnh và thực hiện tốt chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Nâng cao chất lượng các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế; xây dựng, củng cố các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao; xây dựng nếp sống văn minh, phát huy các truyền thống văn hóa tốt đẹp, tình làng nghĩa xóm.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ xây dựng khu dân cư đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh vật tự”. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; tiếp tục phát huy và nhân rộng các mô hình liên kết về an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả như “tổ tự quản về an toàn giao thông”, “tổ

phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội” góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã.

Trên đây là Báo cáo kết quả đánh giá rà soát thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới đến năm 2023 xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa./

Nơi nhận:

- Đoàn Thẩm định tỉnh Thái Nguyên;
- UBND huyện Định Hóa;
- Văn phòng ĐP NTM huyện Định Hóa;
- Hội đồng thẩm tra NTM huyện Định Hóa;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tân Thịnh;
- Ban chỉ đạo; Ban quản lý NTM xã Tân Thịnh;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Hòa

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2023**Xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên***(Theo Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 19/9/2023 của UBND xã Tân Thịnh)*

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Xã có quy hoạch chung đã được phê duyệt	Đạt
		1.2. Ban hành quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đã ban hành quản lý thực hiện quy hoạch	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	15,5/15,5km, đạt100%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	9,732km/10,590km đạt91,92%	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	90% (≥70% cứng hóa)	17,647km/21,817km, đạt80,89%	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	90% (≥50% cứng hóa)	3,568km/7,093km đạt50,3% được cứng hóa	Đạt
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	≥80%	Tưới chủ động: 605,5ha/705,6ha (đạt 85,8%) Tiêu chủ động: 705,6ha /705,6ha (đạt 100%)	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	1189hộ/1189hộ đạt100%	Đạt

5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu ($\geq 70\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt	-	-
			Có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu ($\geq 50\%$ đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt	3/3 trường học đạt đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	Đạt
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Có 01 điểm	Đạt
		6.3. Tỷ lệ xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%	09/09 (100%) xóm có nhà văn hóa đạt chuẩn	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Có 01 chợ đảm bảo theo quy định	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		≥ 01 điểm	Xã có 01 điểm bưu chính	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	09/09 (100%) xóm có dịch vụ viễn thông, internet 3G, 4G, wifi	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm (trong đó $> 2/3$ số xóm có hệ thống loa hoạt động)		Đạt	Xã có Đài truyền thanh công nghệ thông minh, 09/09 xóm có cụm loa hoạt động tốt.	Đạt

			Tỷ lệ máy tính/tổng số cán bộ, công chức của xã	$\geq 50\%$	19/19 (100%) cán bộ, công chức xã có sử dụng máy tính	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử; Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	https://qlvb.thainguyen.gov.vn ; https://mail.thainguyen.gov.vn ; https://motcua.thainguyen.gov.vn ; https://dichvucong.thainguyen.gov.vn . https://tanthinh.dinhhoa.thainguyen.gov.vn	Đạt
			Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã.	$\geq 30\%$	Đạt 92% (2395/2602).	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không có	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Đối với xã khu vực III	$\geq 75\%$		
			Đối với xã khu vực I, II và các xã còn lại	$\geq 80\%$	976 hộ/1189 hộ, đạt 82,08%.	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2023	≥ 42	43,73 triệu đồng/người/năm	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025		$< 13\%$	Đến hết năm 2023, tỷ lệ nghèo đa chiều còn 11,52% (137/1189)	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 70\%$	2250/3121 lao động, đạt 72,09 %	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 20\%$	982/3121 lao động, đạt 31,46%	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		Đạt	Có 01 HTX Nông nghiệp Yên Thịnh theo quy định	Đạt

	và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Đạt	Đạt
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		≥1 sản phẩm	01 sản phẩm chè	Đạt
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với phát triển vùng nguyên liệu làng nghề bền vững		Đạt	Có Kế hoạch và triển khai kế hoạch	Đạt
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả		≥1 tổ	Có 01 tổ	Đạt
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Mức độ 3	Đạt
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%	97/97 em, đạt 100%	Đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Đạt Mức độ 3	Đạt
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt Mức độ 2	Đạt
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại	Khá	Xếp loại Tốt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥70%	229/240 em, đạt 95,42%	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế		≥90%	4538/4931 đạt 92,03%	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế năm 2013, đạt chuẩn giai đoạn 2020 - 2030	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		≤24%	66/380 trẻ, đạt 17,4%	Đạt
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		≥50%	3825 người/4931 tổng số nhân khẩu, đạt 77,57%	Đạt

16	Văn hoá	Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	$\geq 80\%$	09/09 xóm, đạt 100%	Đạt
			Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Có	Đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	$\geq 30\%$ (≥ 10 từ hệ thống cấp nước tập chung)	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đạt 49,4% (587hộ/1189hộ) trong đó: từ công trình cấp nước tập trung đạt 39,1% (464hộ/1189hộ)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường		$\geq 90\%$	Có 8/8 cơ sở SXKD đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường (đạt 100%)	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước sinh hoạt tại khu dân cư tập trung		Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn		$\geq 2m^2/\text{người}$	6,67m ² / người	Đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định		$\geq 70\%$	16078,4kg/17259kg, đạt 93,16%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường		100%	100% (9kg/9kg) chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đúng quy định. 220kg/220kg (100%) vỏ bao bì thuốc BVTV được thu gom xử lý	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch		$\geq 70\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là đạt 81,33%; tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là đạt 81,08%; tỷ lệ hộ có thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là đạt = 97,9%; tỷ lệ hộ đảm bảo tiêu chí 3 sạch là đạt 78,55%.	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường		$\geq 60\%$	190 hộ / 208 hộ, đạt 91,3%	Đạt

		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	22/22 cơ sở, đạt 100% 100% hộ gia đình đảm bảo về ATTP	Đạt
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	991 hộ/1189 hộ, đạt 83,35%	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn, được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%	727,3kg/949,2kg, đạt 76,66%	Đạt
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Có 19/19 Cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đảng bộ, chính quyền xã đánh giá xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đạt
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100% tổ chức chính trị xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Đạt
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật	Đạt
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hoạt động của Ban phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em trên địa bàn; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên hiệu quả	Đạt	Đạt	Đạt

